

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

**HOÀNG THU HƯƠNG**

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ  
KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ĐIỀU KHIỂN  
VÀ TỰ ĐỘNG HOÁ**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN**

**Hà Nội - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO      BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

**HOÀNG THU HƯƠNG**

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã ngành: 60340301

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN**

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. NGUYỄN THỊ THU LIÊN**

**HÀ NỘI - 2016**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là đề tài nghiên cứu do tôi thực hiện. Các số liệu và kết luận nghiên cứu trình bày trong luận văn là trung thực và chưa được ai sử dụng trong bất kỳ công trình luận văn nào trước đây.

Tôi xin chịu trách nhiệm về nghiên cứu của mình.

Học viên

Hoàng Thu Hương

## LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình nghiên cứu đề tài “*Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa*”, tác giả đã gặp rất nhiều khó khăn xong do nhận được sự giúp đỡ của các thầy cô giáo, của ban lãnh đạo, của các phòng ban trong công ty khảo sát, tác giả đã hoàn thành được đề tài theo đúng kế hoạch.

Trước tiên, tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến giáo viên hướng dẫn khoa học PGS.TS Nguyễn Thị Thu Liên đã tận tình hướng dẫn trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Đồng thời, tác giả xin gửi lời cảm ơn đến các thầy cô khoa Kế toán và khoa Sau đại học của trường Đại học Lao Động - Xã Hội đã giúp đỡ, tạo điều kiện cho tác giả trong quá trình viết luận văn.

Tác giả xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo tại công ty cổ phần Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa đã tạo điều kiện cho tác giả tìm hiểu, nghiên cứu tại quý công ty. Lời cảm ơn của tác giả xin gửi đến các anh chị phòng kế toán đã giúp đỡ, hướng dẫn và cung cấp các tài liệu nghiên cứu, trao đổi và giải đáp những vướng mắc trong quá trình nghiên cứu đề tài.

Do thời gian nghiên cứu và trình độ hạn chế, đề tài không tránh khỏi sai sót. Tác giả mong muốn sẽ nhận được nhiều đóng góp quý báu từ các thầy cô và bạn đọc để đề tài hoàn thiện hơn nữa và có ý nghĩa thiết thực trong thực tiễn áp dụng.

Tác giả đề tài

Hoàng Thu Hương

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU</b> .....	1
<b>1.1. Tính cấp thiết của đề tài</b> .....	1
<b>1.2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài</b> .....	1
<b>1.3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu</b> .....	2
<b>1.4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu</b> .....	3
<b>1.5. Phương pháp nghiên cứu</b> .....	3
<b>1.6. Ý nghĩa của đề tài</b> .....	4
<b>1.7. Kết cấu của luận văn</b> .....	4
<b>CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI</b> .....	5
<b>2.1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp thương mại ảnh hưởng đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</b> .....	5
2.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh thương mại .....	5
2.1.2. Yêu cầu quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.....	6
2.1.2.1. <i>Yêu cầu quản lý doanh thu trong doanh nghiệp thương mại</i> .....	7
2.1.2.2. <i>Yêu cầu quản lý chi phí trong doanh nghiệp thương mại</i> .....	9
2.1.2.3. <i>Yêu cầu quản lý kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại</i> .....	11
<b>2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại</b> .....	13
2.2.1. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) .....	13
2.2.1.1. <i>Chuẩn mực kế toán số 14 –Doanh thu và thu nhập khác</i> .....	14
2.2.1.2. <i>Chuẩn mực kế toán số 17-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i> .....	15
2.2.1.3. <i>Chuẩn mực kế toán số 02-Hàng tồn kho</i> .....	17
2.2.1.4. <i>Chuẩn mực kế toán số 01- Chuẩn mực chung</i> .....	18
2.2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo chế độ kế toán Việt Nam.....	19

2.2.2.1. <i>Kế toán doanh thu và thu nhập</i> .....	20
2.2.2.2. <i>Kế toán chi phí</i> .....	26
2.2.2.3. <i>Kế toán kết quả kinh doanh</i> .....	34
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 2</b> .....	37
<b>CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA</b> .....	38
<b>3.1. Tổng quan về Công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa</b> .....	38
3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa.....	38
3.1.2. Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của công ty.....	39
3.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	41
3.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán trong công ty.....	43
3.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa.....	45
3.1.5.1. <i>Chính sách kế toán áp dụng tại công ty</i> .....	45
3.1.5.2. <i>Đặc điểm vận dụng hệ thống chứng từ kế toán tại công ty</i> .....	46
3.1.5.3. <i>Đặc điểm vận dụng hệ thống tài khoản kế toán tại công ty</i> .....	46
3.1.5.4. <i>Đặc điểm vận dụng hệ thống sổ kế toán tại công ty</i> .....	46
<b>3.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa</b> .....	48
3.2.1. Thực trạng kế toán doanh thu tại công ty.....	48
3.2.1.1. <i>Đặc điểm doanh thu của công ty</i> .....	48
3.2.1.2. <i>Nội dung kế toán doanh thu tại công ty</i> .....	50
3.2.2 Thực trạng kế toán chi phí tại công ty.....	53
3.2.2.1. <i>Đặc điểm chi phí tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa</i> .....	53
3.2.2.2. <i>Nội dung kế toán chi phí tại công ty Cp Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa</i> .....	55
3.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cp Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa.....	58

<b>CHƯƠNG 4: HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA .....</b>	<b>61</b>
<b>4.1. Đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP CN Điều Khiển và Tự Động Hóa .....</b>	<b>61</b>
4.1.1. Ưu Điểm .....	61
4.1.1.1. Về tổ chức bộ máy quản lý.....	61
4.1.1.2 Về tổ chức kế toán .....	61
4.1.1.3 Về thời điểm ghi nhận và điều kiện ghi nhận doanh thu, chi phí.....	63
4.1.1.4. Về công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh .....	63
4.1.2. Nhược Điểm.....	63
4.1.2.1. Về phương pháp tính giá vốn xuất kho .....	63
4.1.2.2. Về trích lập dự phòng phải thu khó đòi.....	64
4.1.2.3. Về phân bổ chi phí quản lý kinh doanh(chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp).....	64
4.1.2.4. Về hệ thống tài khoản và sổ sách kế toán áp dụng .....	64
4.1.2.5. Về tình hình sử dụng máy tính và phần mềm kế toán .....	65
<b>4.2. Nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa .....</b>	<b>65</b>
<b>4.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa ..</b>	<b>65</b>
4.3.1. Giải pháp hoàn thiện phương pháp tính giá xuất kho .....	66
4.3.2. Giải pháp hoàn thiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi .....	66
4.3.3. Giải pháp hoàn thiện việc phân bổ chi phí quản lý kinh doanh cho từng .....	68
4.3.4 Giải pháp hoàn thiện hệ thống tài khoản và sổ sách.....	69
4.3.5. Giải pháp hoàn thiện việc vận dụng phần mềm kế toán .....	71
<b>4.4. Đóng góp và hạn chế của đề tài .....</b>	<b>72</b>
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 4.....</b>	<b>73</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>74</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>75</b>

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Giải nghĩa
1	DN	Doanh nghiệp
2	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
3	BCĐKT	Bảng cân đối kế toán
4	BCTC	Báo cáo tài chính
5	GTGT	Giá trị gia tăng
6	TTBD	Tiêu thụ đặc biệt
7	BĐS	Bất động sản
8	TK	Tài khoản
9	TSCĐ	Tài sản cố định
10	TGNH	Tiền gửi ngân hàng
11	BB	Biên bản
12	BHXH	Bảo hiểm xã hội
13	BHYT	Bảo hiểm y tế
14	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
15	KPCĐ	Kinh phí công đoàn
16	QLDN	Quản lý doanh nghiệp
17	GTCL	Giá trị còn lại
18	CP	Cổ phần
19	PP	Phương pháp
20	HĐKT	Hợp đồng kinh tế
21	VNĐ	Việt Nam đồng



## DANH MỤC CÁC BẢNG

<b>Số hiệu bảng</b>	<b>Tên bảng</b>	<b>Trang</b>
2.1	Công thức xác định kết quả kinh doanh	12
2.2	Công thức xác định kết quả kinh doanh	12
4.1	Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu	69
4.2	Báo cáo bán hàng	70

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

<b>Số hiệu sơ đồ</b>	<b>Tên sơ đồ</b>	<b>Trang</b>
3.1	Sơ đồ tổ chức quản lý của công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa.	43
3.2	Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa	45
3.3	Trình tự ghi sổ kế toán tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa	47
3.4	Quy trình luân chuyển nghiệp vụ bán hàng	49

## CHƯƠNG 1

### TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

#### 1.1. Tính cấp thiết của đề tài

Sự ra đời và phát triển của kế toán gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế xã hội. Xã hội càng phát triển thì kế toán càng trở nên quan trọng và trở thành công cụ không thể thiếu được trong quản lý kinh tế nhà nước và doanh nghiệp. Trong bối cảnh hiện nay để tồn tại thì doanh nghiệp cần có chiến lược kinh doanh, quản lý kinh doanh phù hợp. Công tác kế toán có vai trò lớn trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp. Đặc biệt trong doanh nghiệp thương mại thì vấn đề này trở nên vô cùng quan trọng vì nếu doanh nghiệp nào thực hiện tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp doanh nghiệp tăng khả năng thu hồi vốn, kịp thời tổ chức quá trình kinh doanh tiếp theo thì sẽ tồn tại và phát triển. Nhận thức rõ được tầm quan trọng của vấn đề này công ty cổ phần Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa đang từng bước hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Tuy nhiên công tác này vẫn chưa thực sự hoàn thiện và còn những hạn chế nhất định. Xuất phát từ mặt lý luận và thực tiễn, sau quá trình tìm hiểu tôi đã chọn nghiên cứu đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa”.

#### 1.2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Đề tài kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp đã được rất nhiều tác giả tham gia nghiên cứu như:

- Luận văn thạc sỹ Nguyễn Huyền Trang: *Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Nhiệt Điện Ninh Bình* (năm 2015, Học viện tài chính).

- Luận văn thạc sỹ Trương Thị Mai Anh: *Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh hoạt động giao nhận tại công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam* (năm 2011, Học viện tài chính).

- Luận văn thạc sỹ Nguyễn Thị Thanh Ngọc: *Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Thông Tin Viễn Thông Điện Lực* (năm 2008, Học viện tài chính).

Nhìn chung những đề tài trên đã hệ thống hóa những vấn đề cơ bản của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Nhưng việc nghiên cứu kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tại công ty cổ phần Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa thì vẫn chưa có tác giả nào thực hiện. Vì vậy, trong luận văn này tôi đi vào nghiên cứu kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Từ đó đưa ra những kiến nghị mang tính ứng dụng, góp phần vào việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả của công ty cổ phần Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa nói riêng và các doanh nghiệp thương mại nói chung.

### **1.3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu**

Đề tài đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm một số mục đích sau:

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại
- Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa.
- Đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.

#### **1.4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng: Đề tài đi sâu vào tìm hiểu các vấn đề liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa.
- Phạm vi không gian: Tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa.
- Phạm vi thời gian: Nguồn số liệu liên quan đến luận văn được thu thập từ công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa trọng tâm quý II năm 2015.

Do đặc thù của đơn vị là doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong lĩnh vực thương mại, hiện tại chưa có ứng dụng kế toán quản trị và trong tương lai gần khả năng ứng dụng là không khả thi vì vậy đề tài chỉ tập trung vào kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty từ góc độ kế toán tài chính.

#### **1.5. Phương pháp nghiên cứu**

- Tài liệu thứ cấp:
  - + Các tài liệu, giáo trình về lý thuyết kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
  - + Kết quả nghiên cứu của các tác giả khác có liên quan.
- Tài liệu sơ cấp: Sổ sách, báo cáo có liên quan đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa.
- Phương pháp nghiên cứu:

Nghiên cứu tài liệu kết hợp với phỏng vấn điều tra: Mục đích của việc

phỏng vấn nhằm thu thập các thông tin sơ cấp về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa. Đối tượng được phỏng vấn, điều tra là kế toán trưởng và kế toán viên. Trình tự tiến hành là kết hợp giữa việc thu thập chứng từ thực tế với phương pháp quan sát, phỏng vấn trực tiếp....**(Phụ lục 00)**

### **1.6. Ý nghĩa của đề tài**

- Ý nghĩa khoa học: Hệ thống hóa và góp phần làm rõ cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp thương mại theo Luật kế toán, chuẩn mực kế toán và các chế độ kế toán hiện hành.

- Ý nghĩa thực tiễn: Đề tài phân tích, đánh giá ưu nhược điểm về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa trên góc độ kế toán tài chính từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.

### **1.7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan về đề tài nghiên cứu

Chương 2 : Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.

Chương 3: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa.

Chương 4: Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa.

## **CHƯƠNG 2**

# **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI**

### **2.1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp thương mại ảnh hưởng đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

#### ***2.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh thương mại***

Hoạt động kinh doanh thương mại là hoạt động lưu thông phân phối hàng hóa trên thị trường buôn bán của từng quốc gia riêng biệt hoặc giữa các quốc gia với nhau. Hoạt động thương mại có đặc điểm sau:

- Lưu chuyển hàng hóa trong kinh doanh thương mại bao gồm hai giai đoạn: mua hàng và bán hàng không qua khâu chế biến làm thay đổi hình thái vật chất của hàng.
- Đối tượng kinh doanh thương mại là các loại hàng hóa phân theo từng ngành hàng:
  - + Hàng vật tư, thiết bị (tư liệu sản xuất - kinh doanh)
  - + Hàng công nghệ phẩm tiêu dùng
  - + Hàng lương thực, thực phẩm chế biến.
- Quá trình lưu chuyển hàng hóa được thực hiện theo hai phương thức bán buôn và bán lẻ
- Bán buôn hàng hóa và bán lẻ hàng hóa có thể thực hiện bằng nhiều hình thức: bán thẳng, bán qua kho trực tiếp, gửi bán qua đơn vị đại lý, ký gửi, bán trả góp, hàng đổi hàng...
- Tổ chức đơn vị kinh doanh thương mại có thể theo một trong các mô hình:

tổ chức bán buôn, tổ chức bán lẻ, chuyên doanh hoặc kinh doanh tổng hợp, hoặc chuyên môi giới... ở các quy mô tổ chức: quầy, cửa hàng, công ty, tổng công ty.. thuộc mọi thành phần kinh tế kinh doanh trong lĩnh vực thương mại.

Trong kinh doanh thương mại cần được xuất phát từ đặc điểm quan hệ thương mại và vị thế kinh doanh với các bạn hàng để tìm phương thức giao dịch, mua bán thích hợp, đem lại cho đơn vị lợi ích lớn nhất. Vì vậy, kế toán trong các đơn vị thương mại cần thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ để cung cấp thông tin cho người quản lý trong, ngoài đơn vị ra được các quyết định hữu hiệu, đó là:

- Ghi chép số lượng, chất lượng và chi phí mua hàng giá mua, phí khác, thuế không được hoàn trả theo chứng từ đã lập, trên hệ thống sổ kế toán thích hợp.
- Phân bổ hợp lý chi phí mua hàng ngoài giá mua cho số hàng đã bán và tồn cuối kỳ, để từ đó xác định giá vốn hàng hóa đã bán và tồn cuối kỳ.
- Phản ánh kịp thời khối lượng hàng bán, ghi nhận doanh thu bán hàng và các chỉ tiêu liên quan khác của khối lượng hàng bán (giá vốn hàng bán, doanh thu thuần, thuế tiêu thụ ..)
- Quản lý chặt chẽ tình hình biến động và dự trữ kho hàng hóa, phát hiện, xử lý kịp thời hàng hóa ứ đọng (kho, nơi gửi đại lý..)
- Lựa chọn phương pháp và xác định đúng giá vốn hàng xuất bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lợi nhuận gộp hàng hóa đã tiêu thụ.
- Xác định kết quả bán hàng và thực hiện chế độ báo cáo hàng hóa và báo cáo.
- Theo dõi và thanh toán kịp thời công nợ với nhà cung cấp và khách hàng có liên quan của từng thương vụ giao dịch.

### ***2.1.2. Yêu cầu quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại***



### 2.1.2.1. Yêu cầu quản lý doanh thu trong doanh nghiệp thương mại

#### ▼ Khái niệm doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS14- Doanh thu và thu nhập khác) ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của BTC qui định: “*Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp đã thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu*”.

Như vậy, có thể hiểu bản chất của doanh thu là tổng giá trị được thực hiện do việc bán sản phẩm, hàng hóa hay cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 thì doanh thu được định nghĩa là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

Liên quan đến doanh thu còn có các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

**Chiết khấu thương mại:** Là khoản doanh nghiệp bán giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

**Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

**Giá trị hàng bán bị trả lại:** Là khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

#### ▼ Nội dung doanh thu

Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được

chia theo quy định hiện hành, nếu không thỏa mãn thì không hạch toán vào doanh thu.

Doanh thu thường được theo dõi theo từng hoạt động kinh doanh gồm doanh thu hoạt động kinh doanh thông thường và doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

*Doanh thu hoạt động kinh doanh thông thường:* Là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp thực hiện cung cấp dịch vụ công ích, doanh thu bao gồm cả các khoản trợ cấp của nhà nước cho doanh nghiệp khi thực hiện cung cấp dịch vụ theo nhiệm vụ nhà nước giao mà không thu đủ bù đắp chi.

*Doanh thu từ hoạt động tài chính:* Bao gồm các khoản thu phát sinh từ tiền bản quyền, cho các bên khác sử dụng tài sản của doanh nghiệp, tiền lãi từ việc cho vay vốn, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi cho thuê tài chính, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn và lợi nhuận được chia từ việc đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

*Thu nhập khác:* Bao gồm các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền bảo hiểm được bồi thường các khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng và các khoản thu khác.

Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và năm tài chính.

Doanh thu được chi tiết theo từng loại doanh thu, doanh thu từng mặt hàng,... theo dõi chi tiết từng khoản giảm trừ doanh thu (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại) để xác định doanh thu thuần của từng loại doanh thu, chi tiết từng mặt hàng, từ đó phục vụ cho cung cấp thông

tin kế toán để quản trị doanh nghiệp và lập báo cáo tài chính.

▼ *Yêu cầu quản lý doanh thu*

Từ đặc điểm trên của doanh thu tại doanh nghiệp cần đảm bảo một số yêu cầu sau:

Doanh thu của kỳ hạch toán phải được kế toán theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán quy định hiện hành.

Doanh thu hàng hóa, dịch vụ phải được hạch toán chi tiết theo từng hoạt động.

Tổ chức quản lý chặt chẽ tình hình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, tình hình thanh toán với người mua, thanh toán với ngân sách nhà nước các khoản thuế tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ phải nộp.

Lập báo cáo tình hình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, báo cáo kết quả kinh doanh. Định kỳ, tiến hành phân tích hình hình tiêu thụ hàng hóa.

2.1.2.2. *Yêu cầu quản lý chi phí trong doanh nghiệp thương mại*

▼ *Khái niệm chi phí*

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, ngoài các hao phí về lao động sống cần thiết và lao động vật hóa để tồn tại và phát triển, doanh nghiệp còn phải bỏ ra rất nhiều các khoản chi phí khác, các khoản chi phí có thể là một bộ phận mới do doanh nghiệp sáng tạo ra và cũng có những khoản chi phí đôi khi rất khó xác định chính xác là hao phí về lao động sống hay hao phí về lao động vật hóa. Do vậy hiện nay, chi phí hoạt động của doanh nghiệp được hiểu là toàn bộ các hao phí về lao động sống, lao động vật hóa và các chi phí cần thiết khác mà doanh nghiệp đã chi ra trong quá trình hoạt động kinh doanh, biểu hiện bằng tiền và tính cho một thời kỳ nhất định.

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 01- Chuẩn mực chung: Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

#### ▼ Nội dung chi phí

Chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại bao gồm:

*Giá vốn hàng bán:* Là giá thực tế xuất kho của hàng đã bán được hoặc chưa, là giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành, đã được xác định là tiêu thụ.

*Chi phí bán hàng:* là toàn bộ các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu hàng hóa, hoa hồng bán hàng, bảo hành hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận hành...

*Chi phí quản lý doanh nghiệp:* Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung của toàn bộ doanh nghiệp.

*Chi phí hoạt động tài chính:* bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính như chi phí lãi vay, chi phí góp vốn liên doanh, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, lỗ chuyển nhượng vốn...

*Chi phí khác:* Bao gồm các chi phí ngoài các chi phí kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản, các khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng...

#### ▼ Yêu cầu quản lý chi phí

Từ những đặc điểm trên kế toán chi phí tại các doanh nghiệp thương

mại cần đảm bảo một số yêu cầu sau:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, có rất nhiều chi phí phát sinh. Vì vậy để phục vụ cho công tác quản lý và hạch toán kế toán, kế toán cần phân loại, sắp xếp chi phí theo từng nhóm, theo đặc trưng nhất định.

Đối với nhà quản lý thì các chi phí phát sinh là mối quan tâm hàng đầu, bởi vì lợi nhuận thu được nhiều hay ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của những chi phí đã chi ra. Do đó vấn đề đặt ra là làm sao kiểm soát được các khoản chi phí? Phân tích các hoạt động sinh ra chi phí là mấu chốt để có thể quản lý chi phí từ đó đưa ra những quyết định đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chi phí kỳ hạch toán phải được kế toán theo đúng chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán quy định hiện hành.

Quản lý chi phí kinh doanh phải tuân thủ nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, tránh tình trạng sử dụng lãng phí, sai mục đích, đồng thời đảm bảo hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp diễn ra bình thường.

### *2.1.2.3. Yêu cầu quản lý kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại*

#### ▼ Khái niệm kết quả kinh doanh

Theo thông tư 200/2014/TT/BTC ban hành ngày 22/12/2014 của bộ tài chính thì kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi

phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí tài chính.

Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác với chi phí khác.

▼ *Công thức xác định kết quả kinh doanh*

$$\begin{array}{l}
 \text{Lợi} \\
 \text{nhuận} \\
 \text{thuần} \\
 \text{từ} \\
 \text{hoạt} \\
 \text{động} \\
 \text{kinh} \\
 \text{doanh}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Lợi} \\
 \text{nhuận} \\
 \text{gộp về} \\
 \text{bán} \\
 \text{hàng và} \\
 \text{cung} \\
 \text{cấp} \\
 \text{dịch vụ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{(Doanh} \\
 \text{thu hoạt} \\
 \text{động tài} \\
 \text{chính}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí} \\
 \text{tài} \\
 \text{chính)}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{(Chi} \\
 \text{phí} \\
 \text{bán} \\
 \text{hàng}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí} \\
 \text{quản lý} \\
 \text{doanh} \\
 \text{nghiệp)}
 \end{array}
 \quad (2.1)$$

$$\begin{array}{l}
 \text{Lợi nhuận kế} \\
 \text{toán trước} \\
 \text{thuế}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Lợi nhuận} \\
 \text{thuần từ hoạt} \\
 \text{động kinh} \\
 \text{doanh}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{(Thu nhập} \\
 \text{khác}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí} \\
 \text{khác)}
 \end{array}
 \quad (2.2)$$

▼ *Yêu cầu quản lý kết quả kinh doanh*

Kế toán xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận của kế toán trong doanh nghiệp nên có đầy đủ đặc điểm của kế toán nói chung đó là được tiến hành thường xuyên, liên tục, chính xác, có phương pháp cụ thể, phản ánh đầy đủ tình hình kinh tế, tài chính, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Kế toán xác định kết quả kinh doanh phản ánh một cách tổng quát kết quả kinh doanh trong kỳ, từ đó giúp cho nhà quản trị biết được hiệu quả sử dụng vốn trong

năm như thế nào, nên tiếp tục đầu tư hay đổi mới phương án đầu tư để có thể đem về kết quả cao nhất.

Kế toán kết quả kinh doanh, thông qua Báo cáo tài chính sẽ cung cấp một cách đầy đủ nhất các thông tin kế toán tài chính mà mọi cá nhân, tổ chức và ngoài doanh nghiệp cần quan tâm.

Kế toán xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò rất quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn rất quan trọng đối với đối tượng sử dụng thông tin kế toán ngoài doanh nghiệp, do đó kế toán xác định kết quả kinh doanh cần được quản lý chặt chẽ, đúng đắn, hợp lý, đáp ứng yêu cầu:

Kế toán xác định kết quả kinh doanh cần tuân thủ theo đúng chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán hiện hành, các văn bản pháp lý, các thông tư, quyết định có liên quan. Đồng thời, yêu cầu quản lý kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp cần phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh, mô hình quản lý của DN đó. Khi xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán

Yêu cầu quản lý kế toán xác định kết quả kinh doanh đối với việc thực hiện được các mục tiêu, kế hoạch kinh doanh trong từng kỳ. Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cần được thực hiện một cách thường xuyên, chính xác, kịp thời, giúp cho DN kiểm soát được tình hình doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh trong kỳ của DN tăng giảm thế nào để nhà quản trị có cái nhìn tổng quát nhất từ đó đưa ra được các biện pháp và phương án kinh doanh hợp lý nhất.

## **2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.**

### ***2.2.1. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo***

***chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS)***

***2.2.1.1. Chuẩn mực kế toán số 14 –Doanh thu và thu nhập khác***

*Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:* Theo đoạn 10 chuẩn mực số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Đối với doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia:* Theo đoạn 24 của chuẩn mực số 14, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia của doanh nghiệp phải thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

*Đối với thu nhập khác:* Theo đoạn 30 chuẩn mực 14, thu nhập khác bao gồm:

- Thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;



- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại và các khoản thu khác.

#### 2.2.1.2. Chuẩn mực kế toán số 17-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

*Lợi nhuận kế toán:* Là Lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ, trước khi trừ thuế TNDN, được xác định theo quy định của chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

*Thu nhập chịu thuế:* Là thu nhập chịu thuế TNDN của một kỳ, được xác định theo quy định của Luật thuế TNDN hiện hành và là cơ sở tính thuế TNDN phải nộp (hoặc thu hồi được).

Sự khác biệt giữa chính sách thuế và chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán tạo ra các khoản chênh lệch trong việc ghi nhận doanh thu và chi phí cho một kỳ kế toán nhất định, dẫn tới chênh lệch giữa số thuế thu nhập phải nộp trong kỳ với chi phí thuế thu nhập của doanh nghiệp theo chế độ kế toán áp dụng. Các khoản chênh lệch này được phân thành hai loại:

*Chênh lệch tạm thời:* Là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hay nợ phải trả trong BCĐKT và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Chênh lệch tạm thời có thể là:

Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế TNDN: Là các khoản chênh lệch tạm thời làm phát sinh thu nhập chịu thuế khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong tương lai khi mà giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả liên quan được thu hồi hay được thanh toán.

Chênh lệch tạm thời được khấu trừ: Là khoản chênh lệch tạm thời làm phát sinh các khoản được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN

trong tương lai khi mà giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả liên quan được thu hồi hay được thanh toán.

*Chênh lệch vĩnh viễn:* Là chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế TNDN phát sinh từ các khoản thu, thu nhập khác, chi phí được ghi vào lợi nhuận kế toán nhưng không được tính vào thu nhập, chi phí khi tính thuế thu nhập chịu thuế TNDN. Hoặc ngược lại, các khoản doanh thu, thu nhập khác, chi phí được tính vào thu nhập chịu thuế TNDN nhưng không được tính vào lợi nhuận kế toán.

*Chi phí thuế TNDN (hoặc thu nhập thuế TNDN):* Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

*Thuế thu nhập hiện hành:* Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành.

*Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:* Là khoản thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế TNDN trong năm hiện hành.

*Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:* Là thuế TNDN sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản:

Chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.

Giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng.

### 2.2.1.3. Chuẩn mực kế toán số 02-Hàng tồn kho

Chuẩn mực này áp dụng cho kế toán hàng tồn kho theo nguyên tắc giá gốc.

Kết quả kinh doanh muốn được chính xác và phản ánh một cách chính xác thì phải xác định các yếu tố tham gia vào quá trình này. Trong đó yếu tố giá gốc hàng tồn kho là một chỉ tiêu quan trọng đối với kế toán kết quả kinh doanh ở doanh nghiệp.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong đó:

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Việc tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp:

- Phương pháp tính theo giá đích danh
- Phương pháp Bình quân gia quyền
- Phương pháp nhập trước, xuất trước
- Phương pháp nhập sau xuất trước

Ngoài ra một số chuẩn mực kế toán khác chi phối kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp như: Chuẩn mực kế toán số 03 -Tài sản cố định hữu hình, Chuẩn mực kế toán số 04- Tài sản cố định vô hình, Chuẩn mực kế toán số 21 -Trình bày BCTC...

#### 2.2.1.4. Chuẩn mực kế toán số 01- Chuẩn mực chung

Chuẩn mực chung quy định và hướng dẫn các nguyên tắc và yêu cầu kế toán cơ bản, các yếu tố và ghi nhận các yếu tố của BCTC doanh nghiệp.

Các nguyên tắc cơ bản quy định trong chuẩn mực:

*Cơ sở dồn tích:* Theo đoạn 03 chuẩn mực số 01 mọi nghiệp vụ kinh tế tài chính của doanh nghiệp liên quan đến tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí phải được ghi sổ kế toán vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hoặc thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền. BCTC lập trên cơ sở dồn tích phản ánh tình hình tài chính của DN trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

*Hoạt động liên tục:* Theo đoạn 04 chuẩn mực số 01, BCTC phải được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần, nghĩa là doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Trường hợp thực tế khác với giả định liên tục thì BCTC phải lập trên một cơ sở khác và phải giải thích cơ sở đã sử dụng để lập BCTC.

*Giá gốc:* Theo đoạn 05 chuẩn mực số 01, tài sản phải được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của tài sản được tính theo số tiền hoặc khoản tương đương tiền đã trả, phải trả hoặc tính theo giá trị hợp lý của tài sản đó vào thời điểm tài sản được ghi nhận. Giá gốc của tài sản không được thay đổi trừ khi có quy định khác trong chuẩn mực kế toán cụ thể.

*Phù hợp:* Theo đoạn 06 chuẩn mực số 01, việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của kỳ trước hoặc phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

*Nhất quán:* Theo đoạn 07 chuẩn mực số 01, các chính sách và phương pháp kế toán doanh nghiệp đã chọn được áp dụng thống nhất ít nhất trong một kỳ kế toán năm. Trường hợp có thay đổi chính sách và phương pháp kế toán đã chọn thì phải giải trình lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phân thuyết minh BCTC.

*Thận trọng:* Trong đoạn 08 chuẩn mực số 01, thận trọng là việc xem xét, cân nhắc, phán đoán cần thiết để lập các ước tính kế toán trong điều kiện không chắc chắn. Nguyên tắc thận trọng đòi hỏi:

Phải lập dự phòng nhưng không lập quá lớn;

Không đánh giá cao hơn giá trị của các tài sản và khoản thu nhập;

Không đánh giá thấp hơn giá trị của các khoản nợ phải trả và chi phí;

Doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế, còn chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí.

*Trọng yếu:* Theo đoạn 09 chuẩn mực số 01, thông tin được coi là trọng yếu trong trường hợp nếu thiếu thông tin hoặc thiếu chính xác của thông tin đó có thể làm sai lệch đáng kể BCTC, làm ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng BCTC. Tính trọng yếu phụ thuộc vào độ lớn và tính chất của thông tin hoặc các sai sót được đánh giá trong hoàn cảnh cụ thể. Tính trọng yếu của thông tin phải được xem xét trên cả phương diện định lượng và định tính.

### ***2.2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo chế độ kế toán Việt Nam***

(Theo thông tư 200/2014/TT/BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### 2.2.2.1. Kế toán doanh thu và thu nhập

##### a. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Những nguyên tắc cần được tôn trọng khi hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo thông tư 200/2014/TT/BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính quy định:

Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ không bao gồm các khoản thuế gián thu phải nộp, như thuế GTGT (kể cả trường hợp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp), thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường.

Trường hợp không tách ngay được số thuế gián thu phải nộp tại thời điểm ghi nhận doanh thu, kế toán được ghi nhận doanh thu bao gồm cả số thuế phải nộp và định kỳ ghi giảm doanh thu đối với số thuế gián thu phải nộp. Khi lập báo cáo kết quả kinh doanh, chỉ tiêu “Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ” và chỉ tiêu “các khoản giảm trừ doanh thu” đều không bao gồm số thuế gián thu phải nộp trong kỳ do về bản chất các khoản thuế gián thu không được coi là một bộ phận doanh thu.

Để ghi nhận doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán sử dụng TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Tài khoản này được mở chi tiết các tài khoản cấp 2 để theo dõi chi tiết các khoản doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Những hàng hóa, dịch vụ được xác định là đã bán nhưng vì lý do chất lượng, về quy cách kỹ thuật.. người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp thuận; hoặc người mua mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm

trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng biệt trên tài khoản 521- Các khoản giảm trừ doanh thu và chi tiết theo các tài khoản cấp 2, tài khoản 5213- Hàng bán bị trả lại, TK 5212- Giảm giá hàng bán, TK 5211- Chiết khấu thương mại, cuối kỳ kết chuyển vào TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để tính doanh thu thuần.

(1) Khi doanh nghiệp bán hàng hóa, dịch vụ

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng (liên 3) và các chứng từ thanh toán (phiếu thu, giấy báo có..) kế toán phản ánh vào TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của DN, phản ánh thuế GTGT đầu ra phải nộp vào TK 333(3331)- Thuế GTGT phải nộp (nếu có), phản ánh số tiền nhận về TK 111- Tiền mặt, TK 112- TGNH, TK 131- Phải thu khách hàng theo tổng giá thanh toán.

(2) Nếu trong kỳ phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ như: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Kế toán ghi nhận như sau:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT do khách hàng trả lại hoặc các cam kết, hợp đồng mua bán thỏa thuận về các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại để ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu theo giá bán chưa có thuế GTGT, số thuế GTGT đầu ra phải nộp giảm đi tương ứng giá trị hàng bán chiết khấu, trả lại, giảm giá. Đồng thời vốn bằng tiền giảm đi tương ứng theo tổng giá thanh toán hoặc khoản phải thu khách hàng giảm tương ứng theo tổng giá thanh toán.

(3) Cuối kỳ xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp

Căn cứ vào tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt, tờ khai hải quan, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ trong kỳ giảm theo số tiền thuế tiêu thụ

đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp, đồng thời số thuế phải nộp cho cơ quan nhà nước tăng tương ứng.

(4) Cuối kỳ kết chuyển các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trừ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ theo số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

(5) Cuối kỳ, kết chuyển doanh thu thuần sang tài khoản xác định kết quả kinh doanh.

Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - theo thông tư 200/2014/TT/BTC ban hành ngày 22/12/2014 (**phụ lục 01**).

*b. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia và các hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

Đối với các khoản doanh thu từ hoạt động mua bán chứng khoán, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá mua, số lãi về trái phiếu, tín phiếu, hoặc cổ phiếu.

Đối với khoản doanh thu từ mua bán ngoại tệ, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá ngoại tệ mua vào và giá ngoại tệ bán ra.

Đối với khoản tiền lãi nhận được từ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu thì chỉ có phần tiền lãi của các kỳ mà doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư này mới được ghi nhận là doanh thu phát sinh trong kỳ; còn khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lãi đầu tư dồn tích trước khi doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư đó thì ghi giảm giá trị khoản đầu tư trái phiếu, cổ phiếu đó.



Đối với khoản thu nhập từ nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, doanh thu được ghi nhận vào TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính, là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc.

(1) Định kỳ, khi nhận được thông báo số cổ tức, số lãi, số lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư tài chính.

Nếu doanh nghiệp thu cổ tức, lãi tiền gửi bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng: Căn cứ vào thông báo cổ tức, thông báo lãi, phiếu thu, giấy báo có,..Kế toán phản ánh tiền mặt, TGNH tăng đồng thời doanh thu hoạt động tài chính tăng tương ứng với số tiền nhận được.

Nếu doanh nghiệp được chia cổ tức bằng cổ phiếu, tiền lãi tiếp tục đầu tư: căn cứ vào thông báo cổ tức, thông báo lãi, kế toán phản ánh các khoản đầu tư tài chính tăng, đồng thời doanh thu hoạt động tài chính tăng tương ứng với số tiền thông báo.

Nếu doanh nghiệp chỉ nhận được thông báo số cổ tức, số lãi được chia, kế toán phản ánh khoản phải thu khác của doanh nghiệp tăng, đồng thời doanh thu hoạt động tài chính tăng tương ứng với số tiền thông báo.

(2) Khi doanh nghiệp mua hàng thanh toán tiền hàng trước thời hạn được người bán chấp nhận cho hưởng chiết khấu thanh toán: Căn cứ vào hóa đơn GTGT, hợp đồng mua bán... kế toán phản ánh tiền mặt, tiền gửi ngân hàng tăng nếu thanh toán ngay hoặc trừ vào khoản phải trả người bán, đồng thời phản ánh doanh thu hoạt động tài chính tương ứng với số tiền hưởng chiết khấu.

(3) Khi bán ngoại tệ có lãi, kế toán phản ánh tiền mặt, tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ giảm theo tỷ giá ghi sổ kế toán, phản ánh tiền mặt, TGNH là

tiền VNĐ tăng theo tỷ giá thực tế bán đồng thời kế toán phản ánh doanh thu hoạt động tài chính theo số chênh lệch lãi tỷ giá.

(4) Khi chuyển nhượng, bán hoặc thu hồi các khoản đầu tư tài chính có lãi, kế toán phản ánh giá gốc của khoản đầu tư tài chính giảm, đồng thời tiền mặt, TGNH hay khoản phải thu khách hàng tăng theo giá bán, chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính, phần chênh lệch lãi ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

(5) Kết chuyển lãi tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.

(6) Cuối kỳ, kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính (**phụ lục 02**)

### *c. Kế toán thu nhập khác*

Thu nhập khác là các khoản thu nhập của các hoạt động ngoài hoạt động kinh doanh tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp:

+ Thu thanh lý nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);

+ Chênh lệch lãi do đánh giá lại hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;

+ Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng kinh tế;

+ Các khoản thu khác.

(1) Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, chứng từ thanh toán (phiếu thu, giấy báo có...) kế toán phản ánh: Thu nhập khác của doanh nghiệp theo giá bán chưa có

thuế GTGT, thuế GTGT đầu ra phải nộp tương ứng, đồng thời phản ánh tiền mặt, TGNH theo tổng giá thanh toán nếu thanh toán ngay, trường hợp chưa thanh toán thì tăng khoản phải thu khách hàng theo tổng giá thanh toán.

(2) Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng kinh tế

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế, phiếu thu, giấy báo có.. kế toán phản ánh thu nhập khác của DN theo số bồi thường, đồng thời phản ánh tiền mặt, TGNH tăng tương ứng.

(3) Thu do DN được biểu tặng, viện trợ bằng hàng hóa, TSCĐ..

Căn cứ chứng từ: BB bàn giao tài sản, kế toán phản ánh doanh thu, thu nhập khác của DN theo giá do hội đồng đánh giá hoặc giá thị trường của TS nhận được, đồng thời phản ánh hàng hóa, TS đưa vào sử dụng.

(4) Thu các khoản thu khó đòi đã xóa sổ, kế toán phản ánh tiền mặt, TGNH tăng tương ứng với số tiền nhận về, đồng thời phản ánh thu nhập khác tăng tương ứng.

(5) Các khoản nợ không xác định được chủ nợ

Kế toán phản ánh các khoản phải trả người bán, phải trả khác giảm theo số nợ không xác định chủ, đồng thời phản ánh thu nhập khác của doanh nghiệp tăng tương ứng.

(6) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, góp vốn liên doanh thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát hoặc đầu tư bằng hàng hóa, TSCĐ... Trường hợp chênh lệch tăng DN có lợi, kế toán phản ánh giá gốc khoản đầu tư tài chính của doanh nghiệp tăng tương ứng với giá trị ghi sổ của hàng hóa, giá trị còn lại của TSCĐ, đồng thời phản ánh hàng hóa giảm theo giá trị ghi sổ, TSCĐ giảm tương ứng về mặt nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế, phần

chênh lệch tăng do hội đồng đánh giá lại TS kế toán phản ánh vào thu nhập khác.

(7) Cuối kỳ kết chuyển thu nhập khác sang tài khoản xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Sơ đồ kế toán thu nhập khác (**phụ lục 03**)

#### 2.2.2.2. Kế toán chi phí

##### a. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là thực tế xuất kho của số hàng hóa đã bán được hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành, đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Theo thông tư 200/2014/TT/BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính quy định giá trị xuất kho của hàng hóa theo một trong 3 phương pháp:

- + Phương pháp đích danh
- + Phương pháp bình quân
- + Phương pháp nhập trước - xuất trước

(1) Khi xuất kho hàng hóa bán cho khách hàng: Căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán tăng trong kỳ theo giá xuất kho của thành phẩm, hàng hóa, đồng thời phản ánh giá trị hàng hóa của doanh nghiệp giảm tương ứng.

(2a) Khi xuất kho hàng hóa gửi bán, khách hàng chưa chấp nhận thanh toán. Căn cứ vào chứng từ phiếu xuất kho gửi bán đại lý, kế toán phản ánh giá trị hàng gửi đại lý tăng theo giá trị xuất kho hàng hóa, đồng thời phản ánh giá trị hàng hóa tại kho của doanh nghiệp giảm tương ứng.

(2b) Khi hàng hóa gửi bán khách hàng chấp nhận thanh toán, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán tăng trong kỳ theo giá trị hàng gửi bán được chấp nhận thanh toán; đồng thời phản ánh giá trị hàng gửi bán đại lý giảm trong kỳ tương ứng với giá trị hàng tiêu thụ.

(3) Khi hàng hóa đã bán cho khách hàng bị trả lại căn cứ phiếu nhập kho, hóa đơn GTGT, hợp đồng mua bán; kế toán phản ánh giá trị nhập kho trong kỳ tăng theo giá vốn của hàng bị trả lại, đồng thời phản ánh giá vốn của hàng giảm tương ứng.

(4) Cuối kỳ căn cứ vào số lượng, giá trị hàng tồn kho xác định khoản dự phòng hàng tồn kho phải lập cho niên độ kế toán tiếp theo.

(5) Kết chuyển giá vốn hàng bán đã xác định tiêu thụ sang tài khoản xác định kết quả để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo PP Kê khai thường xuyên (**phụ lục 04**)

*b. Kế toán chi phí tài chính*

Chi phí hoạt động tài chính là những hoạt động chi phí liên quan đến các hoạt động về vốn, các hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính doanh nghiệp.

Chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; đầu tư liên doanh, đầu tư liên kết, đầu tư vào công ty con, ( Chi phí nắm giữ, thanh lý, chuyển nhượng các khoản đầu tư, các khoản lỗ trong đầu tư...)

Chi phí liên quan đến việc cho vay vốn.

Chi phí liên quan đến việc mua bán ngoại tệ.

Chi phí lãi vay vốn kinh doanh không được vốn hóa, khoản chiết khấu thanh toán khi bán hàng hóa, cung cấp lao vụ dịch vụ.

Chênh lệch lỗ khi mua bán ngoại tệ, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ  
Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính...

(1) Khi thu hồi, bán, chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn bị lỗ: Căn cứ hợp đồng mua bán, chứng từ thanh toán (phiếu thu, giấy báo có), BB giao nhận TS, kế toán phản ánh giá gốc các khoản đầu tư tài chính giảm đồng thời phản ánh tiền mặt, TGNH, hàng hóa, TSCĐ nhận về theo giá bán. Trường hợp giá trị nhận về nhỏ hơn giá gốc của khoản đầu tư tài chính bị lỗ, phần chênh lệch lỗ kế toán phản ánh vào chi phí hoạt động tài chính.

(2) Cuối kỳ trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính niên độ báo cáo phần giá trị dự kiến bị giảm giá của các khoản đầu tư tài chính để có nguồn tài chính cần thiết bù đắp thiệt hại xảy ra trong năm kế hoạch ( nếu giá thị trường các đầu tư tài chính của doanh nghiệp hiện có thường xuyên bị giảm so với giá mua thực tế, doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ phải gọi thêm vốn). Căn cứ vào bảng trích lập dự phòng, các chứng từ chứng minh sự giảm giá tài sản. Kế toán phản ánh chi phí tài chính tăng theo mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, đồng thời phản ánh dự phòng giảm giá đầu tư tăng tương ứng.

(3) Khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng hóa, dịch vụ được hưởng do thanh toán tiền trong thời gian được hưởng chiết khấu. Căn cứ vào hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT. Kế toán phản ánh chi phí hoạt động tài chính tăng theo số tiền khách hàng được hưởng chiết khấu, đồng thời phản ánh tiền mặt, TGNH, phải thu của khách hàng giảm tương ứng với số tiền chiết khấu thanh toán cho khách hàng.

(4) Kết chuyển lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.

(5) Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Sơ đồ kế toán chi phí tài chính (**phụ lục 05**)

*c. Kế toán chi phí bán hàng*

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí liên quan đến quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

(1) Chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp của nhân viên bán hàng và các khoản trích theo lương theo tỷ lệ quy định hiện hành.

Căn cứ vào Bảng chấm công, bảng phân bổ tiền lương và BHXH, bảng thanh toán tiền lương và BHXH.. kế toán phản ánh chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bán hàng và chi phí bán hàng, đồng thời phản ánh tiền lương phải trả người lao động tăng tương ứng với số tiền lương phải trả người nhân viên bán hàng, các khoản phải trả, phải nộp khác tăng tương ứng với số tiền BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ phải nộp cho cơ quan Bảo hiểm, Công đoàn cấp trên.

(2) Chi phí khấu hao TSCĐ: Định kỳ, căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, kế toán phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bán hàng theo số tiền phân bổ vào chi phí bán hàng, đồng thời phản ánh hao mòn TSCĐ tăng tương ứng.

(3) Trường hợp doanh nghiệp bán hàng cho khách hàng có kèm theo giấy bảo hành sửa chữa cho các hỏng hóc do lỗi sản xuất được phát hiện trong thời gian bảo hành hàng hóa, DN phải xác định cho từng mức chi phí sửa chữa cho toàn bộ nghĩa vụ bảo hành; Khi trích lập dự phòng phải trả về chi

phí sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Kế toán phản ánh dự phòng phải trả tăng theo số tiền doanh nghiệp giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc kỳ kế toán giữa niên độ, đồng thời chi phí bán hàng tăng tương ứng.

(4) Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền phục vụ cho quá trình bán hàng như: tiền điện, nước, điện thoại...

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, chứng từ thanh toán (Phiếu chi, Giấy báo nợ...), Kế toán phản ánh vào chi phí bán hàng theo giá mua chưa có thuế GTGT, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tương ứng (nếu có), đồng thời phản ánh tiền mặt, TGNH theo tổng giá thanh toán (nếu thanh toán ngay tiền), phản ánh khoản phải trả người bán theo tổng giá thanh toán (nếu chưa thanh toán tiền).

(5) Cuối kỳ kết chuyển chi phí bán hàng để xác định kết quả kinh doanh.

Sơ đồ kế toán chi phí bán hàng (**phụ lục 06**)

#### *d. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp*

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản lý hành chính và một số khoản khác có tính chất chung toàn doanh nghiệp bao gồm: Tiền lương, phụ cấp, các khoản trích theo lương thuộc bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng như các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ chung toàn doanh nghiệp, chi phí khác bằng tiền.

(1) Chi phí tiền lương, các khoản phụ cấp của nhân viên quản lý doanh nghiệp và các khoản trích theo lương theo tỷ lệ quy định hiện hành.



Căn cứ vào Bảng chấm công, bảng phân bổ tiền lương và BHXH, bảng thanh toán tiền lương và BHXH.. kế toán phản ánh chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý doanh nghiệp và chi phí quản lý doanh nghiệp, đồng thời phản ánh tiền lương phải trả người lao động tăng tương ứng với số tiền lương phải trả người nhân viên quản lý doanh nghiệp, các khoản phải trả, phải nộp khác tăng tương ứng với số tiền BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ phải nộp cho cơ quan Bảo hiểm, Công đoàn cấp trên.

(2) Chi phí khấu hao TSCĐ: Định kỳ, căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, kế toán phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận quản lý doanh nghiệp theo số tiền phân bổ vào chi phí quản lý doanh nghiệp, đồng thời phản ánh hao mòn TSCĐ tăng tương ứng.

(3) Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác phục vụ cho quá trình quản lý doanh nghiệp như tiền điện, nước, điện thoại, chi tiếp khách, công tác phí...

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, chứng từ thanh toán (Phiếu chi, Giấy báo nợ...), Kế toán phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp theo giá mua chưa có thuế GTGT, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tương ứng (nếu có), đồng thời phản ánh tiền mặt, TGNH theo tổng giá thanh toán (nếu thanh toán ngay tiền), phản ánh khoản phải trả người bán theo tổng giá thanh toán (nếu chưa thanh toán tiền).

(4) Phân bổ chi phí trả trước vào chi phí quản lý doanh nghiệp

Theo thông tư 200/2014/TT- BTC ban hành ngày 22/12/2014 của BTC quy định cách hạch toán như sau:

Định kỳ căn cứ vào bảng phân bổ CCDC: Kế toán phản ánh giá trị CCDC phân bổ kỳ này tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp; đồng thời phản ánh chi phí trả trước giảm tương ứng theo số phân bổ kỳ này.

(5) Các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp nhà nước như thuế môn bài, thuế nhà đất... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà... phát sinh trong kỳ.

Căn cứ vào tờ khai thuế môn bài, tờ khai thuế nhà đất, giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, phiếu chi..Kế toán phản ánh vào chi phí QLDN theo số tiền kê khai, số tiền phải nộp, đồng thời phản ánh thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo số tiền thuế môn bài, thuế nhà đất kê khai, phản ánh tiền mặt, TGNH theo số tiền phí, lệ phí đã thanh toán.

(6) Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào các chứng từ để xác nhận các khoản nợ phải thu khó đòi: Hợp đồng kinh tế, biên bản cam kết nhận nợ, biên bản đối chiếu công nợ, khế ước vay nợ và các chứng từ khác để chứng minh quá trình đôn đốc thanh toán của DN kể từ khi khoản nợ phát sinh cho đến khi xác nhận là khoản nợ phải thu khó đòi, các bảng kê chi tiết các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, quyết định của hội đồng thẩm định nợ phải thu khó đòi. Kế toán phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp tăng theo giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu khó đòi, có thể không đòi được do các đơn vị nợ hoặc các cá nhân nợ không có khả năng thanh toán trong năm kế hoạch, đồng thời phản ánh dự phòng phải thu khó đòi (dự phòng tổn thất tài sản) tăng tương ứng.

(7) Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở cuối kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch ghi giảm dự phòng phải trả, đồng thời ghi giảm chi phí QLDN.

(8) Cuối kỳ kết chuyển chi phí QLDN để xác định kết quả kinh doanh.

Sơ đồ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp (**phụ lục 07**)

*e. Kế toán chi phí khác*

Chi phí khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp bao gồm: Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có), chênh lệch lỗ do đánh giá lại hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi khác.

(1) Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ

Căn cứ BB thanh lý TSCĐ, BB bàn giao tài sản.. kế toán phản ánh chi phí khác theo GTCL của tài sản, hao mòn tài sản theo giá trị hao mòn lũy kế tài sản, đồng thời phản ánh nguyên giá tài sản giảm tương ứng.

(2) Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế:

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, phiếu chi, giấy báo nợ.. kế toán phản ánh chi phí khác của DN theo số tiền bồi thường, bị phạt thuế, truy nộp thuế.. đồng thời phản ánh tiền mặt, TGNH theo số tiền nộp phạt hay số thuế phải nộp ngân sách nhà nước tăng theo số tiền bị phạt thuế, khoản phải nộp khác tăng theo số tiền truy nộp thuế.

(3) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, góp vốn liên doanh thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát hoặc đầu tư khác bằng hàng hóa, TSCĐ. Trường hợp chênh lệch giảm, DN bị thiệt hại, kế toán phản ánh giá gốc khoản đầu tư tài chính của DN tăng tương ứng với giá trị ghi sổ của hàng hóa, GTCL của TSCĐ, đồng thời phản ánh giá trị hàng hóa giảm theo giá trị ghi sổ, TSCĐ giảm tương ứng về mặt nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế nếu đầu tư bằng TSCĐ, phần chênh lệch giảm do hội đồng đánh giá lại tài sản kế toán phản ánh vào chi phí khác.

(4) Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản xác định kết quả để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Sơ đồ kế toán chi phí khác (**phụ lục 08**)

2.2.2.3. *Kế toán kết quả kinh doanh*

a. *Kế toán chi phí thuế TNDN*

Chi phí thuế TNDN hiện hành

(1) Hàng quý, kế toán căn cứ tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp vào chi phí thuế TNDN.

(2) Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế hoặc số thuế cơ quan thuế thông báo phải nộp.

Trường hợp số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số phải nộp năm đó, kế toán ghi nhận số thuế TNDN hiện hành phải nộp thêm vào chi phí thuế TNDN hiện hành.

Trường hợp số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp cho năm đó, kế toán phải ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hiện hành tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

(1) Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm)

(2) Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại đã ghi nhận từ các năm trước (là số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm)

(3) Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm)

(4) Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm)

Sơ đồ kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành (**Phụ lục 09**)

*b. Kế toán xác định kết quả kinh doanh*

Cuối kỳ kế toán thực hiện việc kết chuyển số doanh thu bán hàng thuần vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh.

Cuối kỳ kế toán thực hiện việc kết chuyển trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh.

Cuối kỳ kế toán thực hiện việc kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác trong kỳ vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh.

Cuối kỳ kế toán thực hiện việc kết chuyển chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh.

Cuối kỳ kế toán thực hiện việc kết chuyển chi phí bán hàng và chi phí QLDN trong kỳ vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh.

Cuối kỳ kế toán thực hiện việc kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh.

Cuối kỳ kế toán thực hiện việc kết chuyển số phát sinh bên Nợ và số phát sinh bên Có tài khoản chi phí thuế TNDN hoãn lại vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh.

Tính và kết chuyển số lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Sơ đồ kế toán xác định kết quả kinh doanh (**Phụ lục 10**)

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Luận văn đã tập trung vào nghiên cứu, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại: Khái niệm, đặc điểm, yêu cầu quản lý, nội dung theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, theo chế độ kế toán hiện hành.

Những vấn đề cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại sẽ là cơ sở để xem xét đánh giá thực tế và đề xuất giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa.

### CHƯƠNG 3

## THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

### 3.1. Tổng quan về công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa

#### 3.1.1. *Quá trình hình thành và phát triển của công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa*

Công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa (C&A Corp)

Trụ sở chính: Nhà A1, ngõ 130 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04-62698626 / Fax: 04-62698628

Email: [hnstar2@gmail.com](mailto:hnstar2@gmail.com)

Số tài khoản: 0451 000 21 7652 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công

MST: 0100385480

Công ty được thành lập từ tháng 8/1994 và hoạt động theo các giấy phép sau:

- Đăng ký kinh doanh số: 043025 do ủy ban kế hoạch thành phố Hà Nội cấp (nay là sở KH-ĐT) cấp ngày 28/08/1994
- Giấy chứng nhận đăng ký thuế với mã số 0100385480-1 do cục thuế Hà Nội cấp ngày 20/08/1998
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp xuất nhập khẩu số: 449 do Cục Hải quan Hà Nội cấp ngày 02/11/1998.



Với số vốn ban đầu khoảng 9.000 triệu đồng, trong đó vốn cố định khoảng 1.500 triệu đồng, vốn lưu động khoảng 7.500 triệu đồng. Công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa đã không ngừng phát triển và lớn mạnh. Hoạt động kinh doanh của công ty được tiến hành ổn định. Trải qua hơn 17 năm xây dựng và phát triển đến nay công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa đã đứng vững trên thị trường, tự trang trải chi phí và kinh doanh có lãi.

### ***3.1.2. Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của công ty***

Công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa kinh doanh rất đa dạng các mặt hàng chủ yếu là cung cấp thiết bị viễn thông và điện tử:

- Công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa là nhà phân phối các loại máy điện thoại của hãng SIEMENS & ALCATEL với số lượng từ 180.000-200.000 chiếc/năm cho thị trường Việt Nam. Hiện nay công ty cung cấp các máy điện thoại cố định trực tiếp hoặc thông qua các đại lý cho hầu hết các công ty Viễn thông thuộc VNPT và VIETTEL.
- Cung cấp thiết bị, thiết kế và lắp đặt hệ thống tổng đài tự động PABX đến 1.000 số cho các cơ quan, doanh nghiệp, nhà máy, trường học,... Công ty làm đại lý phân phối về giải pháp và thiết bị tổng đài của hãng ERICSSON (Thụy Điển).
- Là nhà phân phối thiết bị modem ADSL và điện thoại GSM của hãng INFINITE cho thị trường Việt Nam. Công ty cung cấp thiết bị modem ADSL trực tiếp hoặc thông qua các đại lý cho hầu hết các công ty Viễn Thông thuộc VNPT và VIETTEL.
- Cung cấp thiết bị, thiết kế lắp đặt các hệ thống tổng đài phân phối các cuộc gọi(ACD) cho các trung tâm phục vụ và giải đáp các thông tin cho khách

hàng của các ngành bưu điện ( trung tâm 108,116,119), Hàng không, Du lịch, Điện lực, Taxi, Trung tâm hỗ trợ khách hàng,...

- Thiết kế và lắp đặt các hệ thống tính cước tự động cho các bưu cục (đã được sử dụng tại 64 điểm cho Bưu điện thành phố Hà Nội, 34 Bưu cục tại bưu điện tỉnh Hà Nam, 41 Bưu cục cho bưu điện tỉnh Hải Dương, 04 Bưu cục trung tâm cho bưu điện Thanh Hóa, 16 Bưu cục cho TP Hạ Long thuộc bưu điện tỉnh Quảng Ninh, 10 bưu cục cho bưu điện tỉnh Hòa Bình).

- Cung cấp, lắp đặt các thiết bị âm thanh cho các phòng họp, hội nghị (chế độ conference), hội trường của các hãng TOA (Japan), PHILIPS (Holland).

- Thiết kế và cung cấp các phần mềm ứng dụng

- Chuyên cung cấp các phần mềm chuyên dụng cho các cơ quan, doanh nghiệp, khách sạn, nhà máy như:

+ Phần mềm quản lý khách sạn.

+ Phần mềm tính cước cho các bưu cục.

+ Phần mềm cho trung tâm phục vụ khách hàng của bưu điện như trung tâm ( 108,116,119)

+ Chương trình quản lý và tính cước cho các hệ thống tổng đài: Công ty cung cấp vài trăm phiên bản này cho các loại tổng đài khác nhau đang được lắp đặt tại các cơ quan, khách sạn, và các doanh nghiệp lớn.

- Thiết kế hệ thống và hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật

- Cung cấp các dịch vụ đúng tiêu chuẩn ngành Bưu chính -Viễn thông như: Thiết kế và lắp đặt mạng tổng đài nội bộ. Các dịch vụ đó sẽ do các kỹ sư đã được đào tạo rất cơ bản bởi các hãng sản xuất thực hiện.

- Cung cấp giải pháp, thiết kế, lắp đặt các mạng máy tính LAN, WAN.

Công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa là nhà phân phối hoặc đại lý chính thức của các hãng sau:

+ Tổng đài: Là đại lý của các hãng ERICSSON

+ Điện thoại: Là nhà phân phối của các hãng SIEMENS, ALCATEL, INFINITE

- Modem ADSL và GSM phone: Là nhà phân phối của hãng INFINITE

- Thiết bị trang âm: Đại lý theo dự án của hãng TOA

### ***3.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty***

Để đảm bảo kinh doanh có hiệu quả và quản lý tốt, công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến tham mưu, đứng đầu là tổng giám đốc người có quyền lực cao nhất, giúp cho tổng giám đốc có một phó tổng giám đốc, hai giám đốc, một kế toán trưởng và một số chuyên viên khác, dưới là một hệ thống phòng ban chức năng.

Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận được tóm tắt như sau:

Ban giám đốc gồm:

- Tổng giám đốc: chịu trách nhiệm chung và trực tiếp quản lý các khâu trọng yếu, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh và hiệu quả kinh tế. Là chủ quản công ty và làm nhiệm vụ đầy đủ với nhà nước theo quy định của pháp luật.

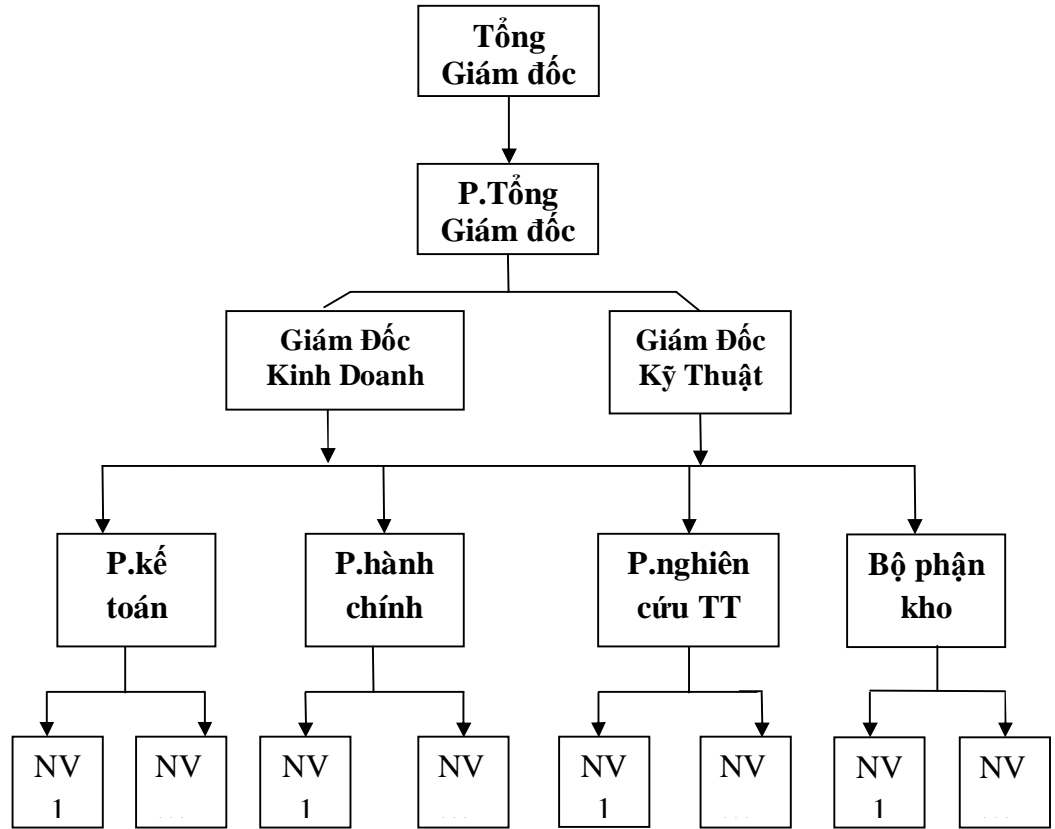
- Phó tổng giám đốc: Là người giúp việc cho tổng giám đốc điều hành, đơn đốc các bộ phận thuộc các lĩnh vực nhằm đảm bảo các mục tiêu mà công ty và tổng giám đốc đã đề ra.

- Hai giám đốc kinh doanh và giám đốc kỹ thuật trực tiếp giải quyết lĩnh vực thuộc phạm vi của mình, là cánh tay đắc lực cho phó tổng giám đốc.
- Kế toán trưởng: Làm nhiệm vụ chức năng của kế toán trưởng đã ghi trong điều lệ kế toán trưởng và chỉ đạo các phòng kế toán, phòng kinh doanh thực hiện pháp lệnh kế toán, thống kê giúp giám đốc trong lĩnh vực tài chính kế toán.

Các phòng ban gồm:

- Phòng nghiên cứu thị trường: Có nhiệm vụ và nghiên cứu và khai thác nguồn hàng và thị trường tiêu thụ, là nơi các quyết định mua hàng, đặt hàng, và tổ chức phân phối hàng hóa.
- Phòng kinh doanh: Có nhiệm vụ vận chuyển, giao hàng, là nơi diễn ra quá trình mua bán và thực hiện tất cả các hợp đồng của công ty.
- Phòng kế toán: Có nhiệm vụ làm công tác quản lý toàn diện về công tác tài chính, thu thập và cung cấp đầy đủ các mặt hoạt động tài chính và thông tin kinh tế, chấp hành nghiêm chỉnh chế độ chính sách nhà nước về quản lý kinh tế kinh tế tài chính, vi phạm kỷ luật tài chính.
- Bộ phận kho: Hàng hóa sau khi mua sẽ được nhập vào kho. Thủ kho có trách nhiệm theo dõi, ghi chép về mặt số lượng hàng hóa nhập - xuất - tồn để cung cấp số liệu cho phòng kế toán và phòng kinh doanh.

Thể hiện qua sơ đồ tổ chức quản lý của công ty như sau:



**Sơ đồ 3.1: Sơ đồ tổ chức quản lý của công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa.**

#### **3.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán trong công ty**

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý, công ty đã áp dụng bộ máy kế toán tập trung, hầu hết mọi công việc kế toán được thực hiện ở phòng kế toán trung tâm, từ khâu thu thập kiểm tra chứng từ ghi sổ đến khâu tổng hợp, lập báo cáo kế toán, từ kế toán chi tiết đến kế toán tổng hợp.

Ở phòng kế toán mọi nhân viên kế toán đều đặt dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng. Bộ máy kế toán của công ty được bố trí nhân viên có trình độ đại học và nắm vững chuyên môn.

- Kế toán trưởng: Là người tổ chức, chỉ đạo toàn diện công tác kế toán và toàn bộ các mặt công tác của phòng, là người giúp việc cho phó giám đốc về mặt tài chính của công ty. Kế toán trưởng có quyền dự các cuộc họp của công ty bàn và quyết định các vấn đề thu chi, kế hoạch kinh doanh, quản lý tài chính, đầu tư, mở rộng kinh doanh, nâng cao đời sống vật chất của cán bộ công nhân viên.

- Kế toán tổng hợp: Là kế toán ghi sổ tổng hợp đối chiếu với sổ chi tiết, xác định kết quả kinh doanh, lập các báo cáo tài chính.

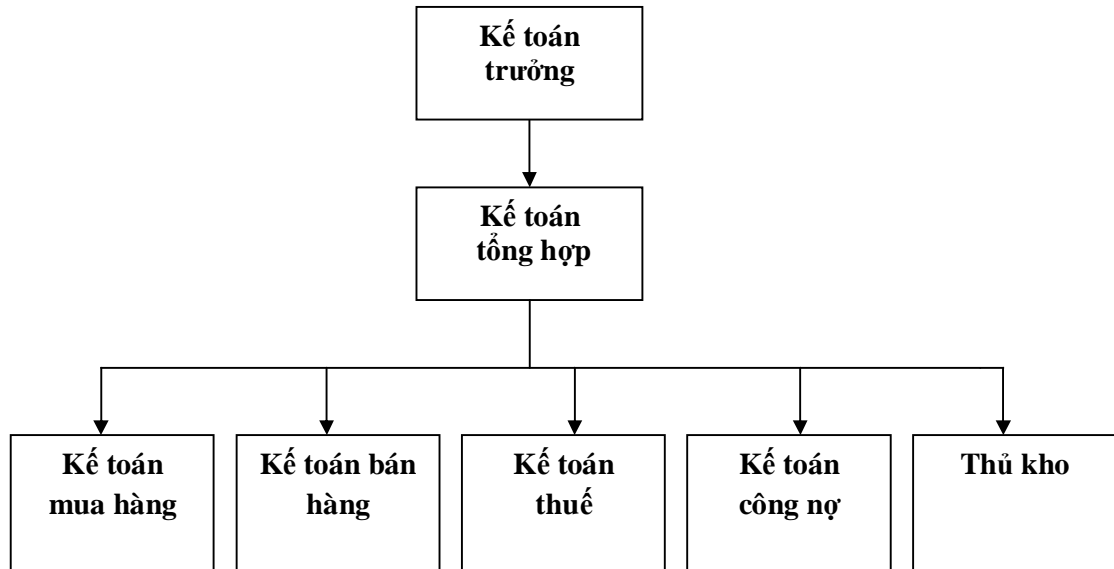
- Kế toán mua hàng: Có nhiệm vụ lập các chứng từ và ghi sổ chi tiết mua hàng.

- Kế toán công nợ: Có nhiệm vụ lập chứng từ và ghi sổ kế toán chi tiết công nợ, thanh toán, lập báo cáo công nợ và báo cáo thanh toán.

- Kế toán bán hàng: Tổ chức sổ sách phù hợp với phương pháp kế toán bán hàng trong công ty. Căn cứ vào chứng từ hợp lệ theo dõi tình hình bán hàng và biến động tăng giảm hàng hóa trong quá trình kinh doanh.

- Kế toán thuế: Căn cứ vào các chứng từ đầu vào hóa đơn giá trị gia tăng, theo dõi và hạch toán các hóa đơn mua hàng hóa, hóa đơn bán hàng và lập bảng kê chi tiết, tờ khai báo cáo thuế. Đồng thời theo dõi tình hình vật tư hàng hóa của công ty.

- Thủ kho: Là người theo dõi hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn và lập bảng kê nhập, xuất hàng dựa trên các chứng từ: Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.



**Sơ đồ 3.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa**

### ***3.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa***

#### ***3.1.5.1. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty***

- Trước kia công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006. Hiện tại Công ty đã cập nhật và áp dụng thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014.
- Đơn vị tiền tệ được sử dụng tại công ty là đồng Việt Nam.
- Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01/N-31/12/N.
- Hình thức kế toán áp dụng tại công ty là: Hình thức nhật ký chung.
- Phương pháp hạch toán tổng hợp Hàng Tồn Kho: Kê Khai Thường Xuyên .
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho xuất kho: Bình quân gia quyền

- Thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định đang áp dụng: Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định được xác định theo giá mua ghi trên hóa đơn và các chi phí trực tiếp khác có liên quan như chi phí: vận chuyển, lắp đặt chạy thử...

#### *3.1.5.2. Đặc điểm vận dụng hệ thống chứng từ kế toán tại công ty*

Hệ thống chứng từ kế toán áp dụng tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa được thực hiện theo đúng nội dung, phương pháp lập, ký chứng từ theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC. Tuy nhiên để phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty, các mẫu chứng từ áp dụng tại công ty được thiết kế vừa phù hợp với quy định vừa thuận tiện cho công tác kế toán.

#### *3.1.5.3. Đặc điểm vận dụng hệ thống tài khoản kế toán tại công ty*

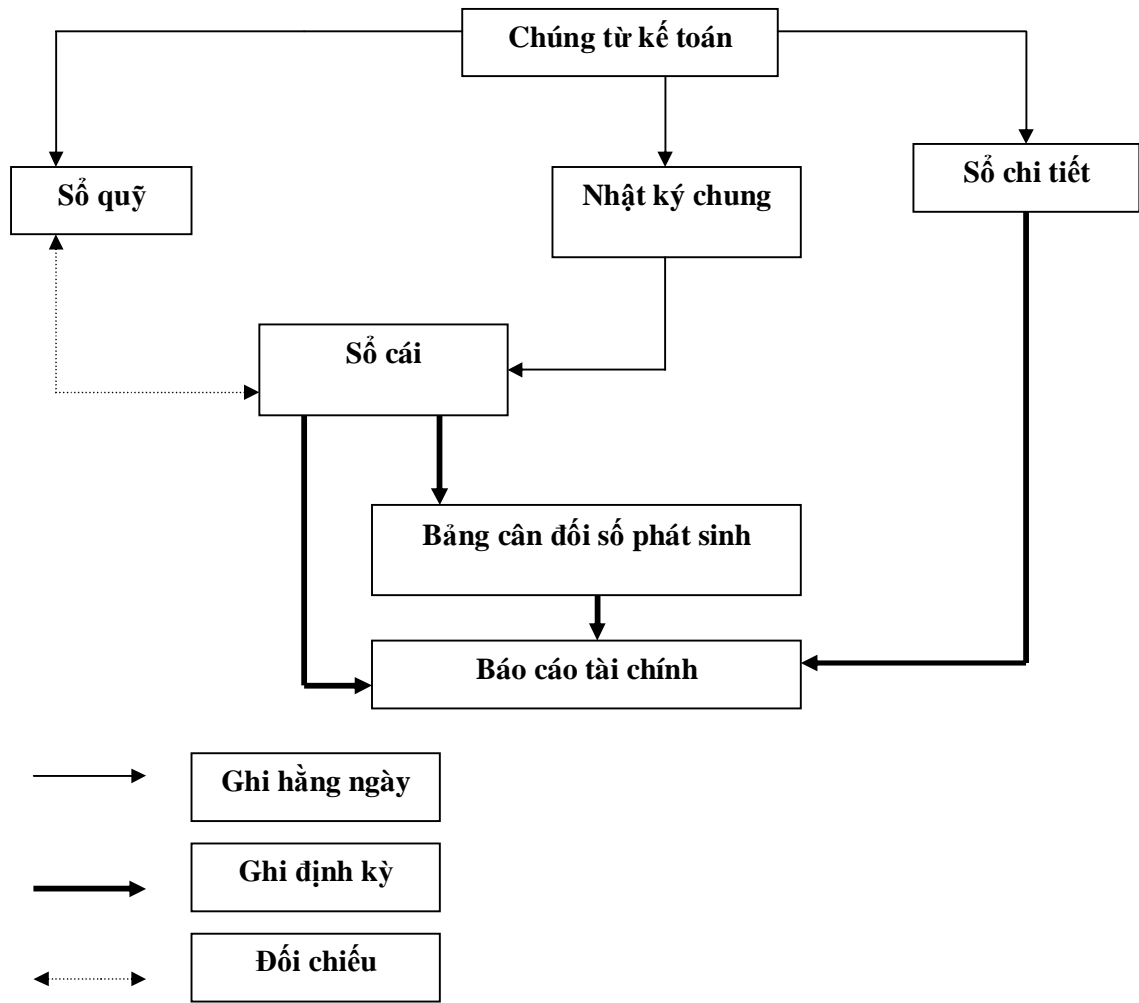
Công ty đang áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 và thông tư 200/2014/TT/BTC ban hành ngày 22/12/2014 của bộ tài chính.

Hiện tại công ty không mở rộng thêm tài khoản cấp hai, cấp ba.

#### *3.1.5.4. Đặc điểm vận dụng hệ thống sổ kế toán tại công ty*

Hình thức ghi sổ kế toán của công ty áp dụng là hình thức: Nhật ký chung được ghi sổ theo trình tự sau:





### Sơ đồ 3.3 Trình tự ghi sổ kế toán tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc hợp lý, hợp lệ để lập sổ chi tiết, sổ quỹ và sổ nhật ký chung. Căn cứ vào sổ nhật ký chung hàng ngày kế toán lấy số liệu vào sổ cái. Sổ cái là cơ sở để đối chiếu với sổ quỹ và định kỳ làm căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính. Định kỳ kế toán tổng hợp số liệu vào báo cáo tài chính, lập báo cáo tài chính sau khi đối chiếu kiểm tra khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và sổ chi tiết.

- Các loại sổ kế toán và chứng từ được quản lý và lưu trữ theo đúng quy định của nhà nước.

Công ty CP Công Nghệ Điều Khiển Và Tự Động Hóa là công ty nhỏ và vẫn sử dụng hình thức ghi sổ thủ công. Công ty không sử dụng phần mềm hỗ trợ nào để hạch toán. Nhưng công ty có sử dụng công cụ hỗ trợ kế toán làm việc hiệu quả hơn đó là Microsoft Office Excel giúp kế toán tính toán và lập các sổ dễ dàng hơn, Microsoft Office Word giúp lập các hợp đồng, đề nghị, ... nhanh chóng và dễ dàng. Ngoài ra trong kế toán nội bộ còn sử dụng chương trình Microsoft Office Access giúp cho quá trình quản lý tốt và hiệu quả.

### **3.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa**

#### **3.2.1. Thực trạng kế toán doanh thu tại công ty**

##### **3.2.1.1. Đặc điểm doanh thu của công ty**

Doanh thu của công ty gồm doanh thu bán hàng, doanh thu tài chính và thu nhập khác.

Trong đó doanh thu bán hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong hoạt động của công ty.

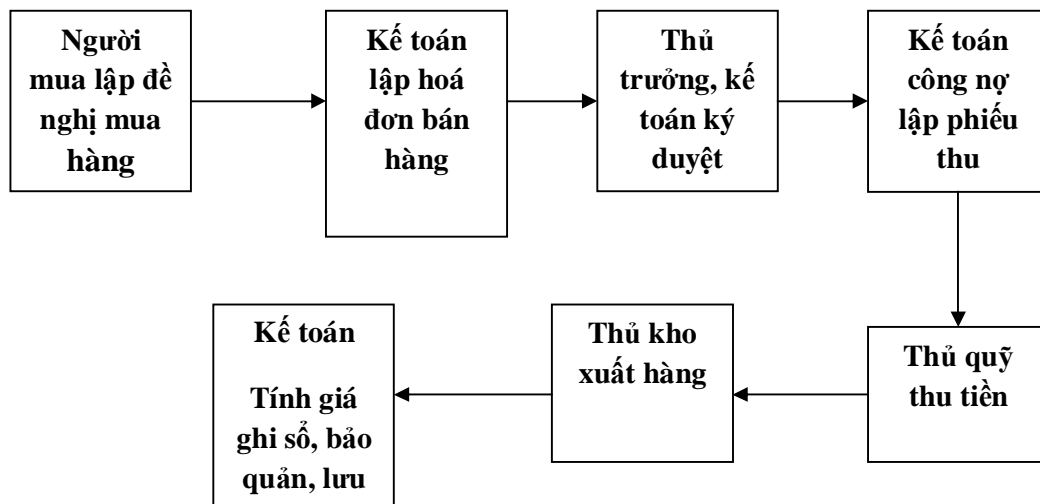
Hàng hóa mà công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa kinh doanh là các mặt hàng điện thoại, modem như: SIMENS, EUROSET802, ACATEL....được nhập khẩu từ Trung Quốc sau đó đem bán và tiêu thụ cho các Bưu Điện hay các cửa hàng, đại lý trên toàn nước.

Công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa áp dụng tính thuế GTGT phải nộp theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng là doanh thu chưa tính thuế GTGT và doanh nghiệp sử dụng “hóa đơn GTGT”.

Công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa áp dụng hai hình thức tiêu thụ chính là:

- Bán buôn là phương thức bán hàng chủ yếu của công ty vì phương thức này giúp công ty tiêu thụ hàng hóa với số lượng lớn, tránh hiện tượng thất thoát và thu hồi vốn nhanh. Bán buôn thường dựa vào chứng từ là các hợp đồng kinh tế đã ký hoặc đơn đặt hàng của khách hàng vì theo phương thức này hoạt động kinh doanh của công ty có cơ sở vững chắc về pháp lý, mặt khác công ty có thể chủ động lập kế hoạch mua và bán hàng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kinh doanh của công ty.

Quy trình luân chuyển nghiệp vụ bán hàng được thể hiện chi tiết qua sơ đồ sau:



### Sơ đồ 3.4: Quy trình luân chuyển nghiệp vụ bán hàng

Hiện nay công ty chỉ áp dụng chiết khấu thương mại khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn để khuyến khích khách hàng mua nhiều.

Về phương thức thanh toán công ty chấp nhận mọi hình thức thanh toán: Tiền mặt, chuyển khoản, ngoại tệ... trong thời gian quy định trong hợp đồng.

Ngoài ra công ty cũng áp dụng hình thức bán lẻ cho khách hàng và thu tiền trực tiếp. Miễn phí giao hàng tận nơi cho những khách hàng trong thành phố.

### 3.2.1.2. Nội dung kế toán doanh thu tại công ty:

#### a. Kế toán doanh thu từ hoạt động bán hàng

Doanh thu từ hoạt động này chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng doanh thu của công ty, là nguồn thu chủ yếu để bù đắp chi phí và duy trì hoạt động kinh doanh của công ty.

#### ▼ Chứng từ kế toán

Chứng từ chủ yếu sử dụng để ghi nhận doanh thu là hóa đơn GTGT **(phụ lục 13)**

Ngoài ra còn sử dụng một số chứng từ sau:

- Phiếu xuất kho **(Phụ lục 12)**
- Phiếu thu **(Phụ lục 14)**
- Giấy báo có của ngân hàng...

#### ▼ Tài khoản sử dụng

Công ty không mở chi tiết tài khoản mà theo dõi doanh thu bán hàng trên tài khoản 511.

#### ▼ Trình tự kế toán

Khi có đề nghị mua hàng hoặc đơn đặt hàng từ khách hàng, nhân viên phòng kinh doanh sẽ soạn thảo hợp đồng kinh tế làm căn cứ mua bán giữa hai

bên. Sau khi HĐKT được ký kết, kế toán tiến hành viết hóa đơn GTGT và chuyển cho giám đốc hoặc kế toán trưởng ký. Sau đó, kế toán tiến hành lập phiếu thu (nếu là bán hàng thu tiền ngay). Phiếu thu sau khi được ký duyệt thì thủ quỹ thu tiền và thủ kho xuất hàng cho khách hàng. Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên, liên 1 lưu tại quầy, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 dùng để tiến hành ghi sổ chi tiết 511 (**Phụ lục 17**), sổ nhật ký chung (**Phụ lục 26**) và sổ cái TK 511 (**phụ lục 18**) và được kế toán công nợ lưu trữ.

#### ▼ *Doanh thu bán lẻ*

Đối với một số khách hàng mua lẻ công ty sẽ bán hàng và trực tiếp thu tiền không xuất Hóa đơn GTGT (**phụ lục 14**)

#### *b. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu*

Như đã trình bày ở trên hiện tại công ty chỉ áp dụng chiết khấu thương mại nên tài khoản sử dụng là:

TK 5211 : chiết khấu thương mại

Tuy nhiên tại kỳ khảo sát thực tế trong quý II/2015 Công ty không có phát sinh khoản giảm trừ doanh thu nào.

#### *c. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty bao gồm các khoản tiền lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tỷ giá hối đoái.

#### ▼ *Chứng từ kế toán*

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Bảng tính lãi (nếu có)

#### ▼ *Tài khoản sử dụng*

Kế toán sử dụng TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính để ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

▼ *Trình tự kế toán*

Hàng tháng khi nhận được giấy báo có của ngân hàng Vietcombank về số tiền lãi tiền gửi không kỳ hạn, kế toán hạch toán vào sổ chi tiết TK 515, sổ nhật ký chung và sổ cái TK 515.

Trong trường hợp thanh toán tiền thuê nhà làm văn phòng công ty, tỷ giá thực ngày thanh toán nhỏ hơn tỷ giá ghi sổ làm phát sinh doanh thu hoạt động tài chính. Căn cứ vào các chứng từ thanh toán, kế toán hạch toán vào sổ chi tiết TK 515, sổ nhật ký chung và sổ cái TK 515.

Cuối kỳ kế toán kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh.

Qua khảo sát thực tế trong quý II/2015 tại công ty khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh là rất nhỏ không đáng kể, nên tác giả không trình bày.

*d. Kế toán thu nhập khác*

Các khoản thu nhập khác ít phát sinh ở công ty thường là từ phạt vi phạm hợp đồng, nhượng bán thanh lý tài sản cố định.

▼ *Chứng từ sử dụng*

- Phiếu thu
- BB thanh lý TSCĐ
- Hóa đơn GTGT

▼ *Tài khoản sử dụng*

Kế toán sử dụng tài khoản 711 “Thu nhập khác” để hạch toán các

khoản chi trên.

▼ *Trình tự kế toán*

Trong kỳ phát sinh khoản thu khác: thanh lý, nhượng bán TSCĐ, vi phạm hợp đồng kinh tế. Căn cứ vào các phiếu thu, giấy báo có, BB thanh lý, nhượng bán TSCĐ kế toán hạch toán vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 711.

**3.2.2. Thực trạng kế toán chi phí tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa**

**3.2.2.1. Đặc điểm chi phí tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa**

▼ *Các loại chi phí tại công ty*

Chi phí tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa bao gồm chi phí về giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính và chi phí khác.

*Chi phí về giá vốn hàng bán:* Là chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí tại công ty. Giá vốn hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của một số hàng hóa bán được gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ.

▼ *Giá thực tế xuất kho*

Công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa sử dụng phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ để xác định giá vốn hàng xuất kho.

$$\text{Đơn giá hàng thực tế xuất kho} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Từ đó xác định giá trị hàng hóa thực tế xuất kho

$$\text{Trị giá hàng hóa xuất kho} = \begin{array}{c} \text{Đơn giá hàng hóa} \\ \text{xuất kho} \end{array} * \begin{array}{c} \text{Số lượng hàng hóa} \\ \text{xuất kho} \end{array}$$

*Chi phí mua hàng*

Chi phí mua hàng phát sinh không đáng kể ngoài giá vốn nên tại công ty không được theo dõi riêng.

*Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp:* Là các khoản CP bao gồm:

- Chi phí nhân viên: Bao gồm trả lương cho các nhân viên trong công ty gồm nhân viên các bộ phận và nhân viên bán hàng. **(Phụ lục 16)**

Mức lương trả cho nhân viên hành chính dựa trên mức lương thỏa thuận với người lao động được tính theo công thức:

$$\text{Tiền lương} = \frac{\begin{array}{c} \text{Tiền lương} \\ \text{thỏa thuận} \end{array} \times \begin{array}{c} \text{Số ngày làm} \\ \text{việc thực tế} \end{array}}{\text{Số ngày làm việc theo quy định công ty}}$$

Số ngày làm việc theo quy định của công ty là 22 ngày/tháng

Đối với nhân viên bán hàng tiền lương trả cho nhân viên theo công thức:

$$\text{Tiền lương} = \begin{array}{c} 2.000.000 \\ \text{(VNĐ)} \end{array} + \% \text{ doanh số bán hàng} \\ \text{trong kỳ}$$

- Chi phí đồ dùng văn phòng: Bao gồm chi phí mua các đồ dùng sử dụng cho các phòng như: máy tính, máy in, bàn ghế, tủ,...

- Chi phí khấu hao dùng cho hoạt động bán hàng và quản lý gồm khấu hao



các loại tài sản như: máy tính, điều hòa, văn phòng....

Chi phí khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng:

$$\text{Mức KH tháng} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Thời gian sử dụng}} \times 12$$

- Chi phí bằng tiền khác: Gồm các loại chi phí ngoài các chi phí nêu trên liên quan đến hoạt động bán hàng và quản lý tại công ty như chi phí tài liệu, chi phí điện, nước, điện thoại, hoa hồng đại lý...

*Chi phí tài chính:* Bao gồm các khoản lãi vay dùng cho hoạt động kinh doanh.

*Chi phí khác:* Các nghiệp vụ làm phát sinh chi phí khác tại công ty hầu như không phát sinh. **(phụ lục 22)**

### 3.2.2.2. Nội dung kế toán chi phí tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa

#### a. Kế toán giá vốn hàng bán

##### ✓ Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho kiêm bảo hành

##### ✓ Tài khoản sử dụng

- Sử dụng tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán” để phản ánh giá trị hàng xuất kho trong kỳ.

##### ✓ Trình tự kế toán

Khi khách hàng có yêu cầu mua hàng, nhân viên phòng kinh doanh sẽ lập phiếu yêu cầu xuất hàng và xin phê duyệt lệnh xuất của giám đốc hoặc kế

toán trưởng. Sau khi tiếp nhận yêu cầu xuất hàng của nhân viên phòng kinh doanh, thủ kho chuẩn bị hàng theo đúng yêu cầu. Cán bộ phòng kinh doanh tiến hành lập phiếu xuất kho thành 3 bản: 1 bản chuyển cho đơn vị nhận hàng, 1 bản chuyển cho kế toán, 1 bản lưu tại kho. Kế toán dựa vào phiếu xuất kho để ghi nhận giá vốn.

Từ những căn cứ trên kế toán ghi nhận giá vốn hàng bán trên sổ chi tiết TK 632 (**phụ lục 19**), sổ nhật ký chung (**phụ lục 26**) và sổ cái TK 632 (**phụ lục 20**). Cuối kỳ làm bút toán kết chuyển giá vốn sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

*b. Kế toán chi phí bán hàng*

✓ *Chứng từ kế toán sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo nợ
- Phiếu chi
- Bảng tổng hợp tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao..

✓ *Tài khoản sử dụng*

- TK 6421 “Chi phí bán hàng”

✓ *Trình tự kế toán*

Căn cứ vào các chứng từ: Phiếu chi, Giấy báo có, bảng tổng hợp tiền lương cho nhân viên bán hàng, bảng tính khấu hao... kế toán ghi nhận các khoản chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng vào sổ chi tiết TK6421 (**phụ lục 21**), sổ nhật ký chung (**phụ lục 26**) và sổ cái TK 642 (**phụ lục 22**).

*c. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp*

✓ *Chứng từ kế toán sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo nợ
- Phiếu chi
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao..

✓ *Tài khoản sử dụng*

- TK 6422 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

✓ *Trình tự kế toán.*

Căn cứ vào các chứng từ: Phiếu chi, bảng tổng hợp tiền lương cho nhân viên quản lý doanh nghiệp kế toán ghi nhận khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp trên vào sổ chi tiết TK6422 (**phụ lục 21**), sổ nhật ký chung (**phụ lục 26**) và sổ cái TK 642 (**phụ lục 22**)

*d. Kế toán chi phí tài chính*

✓ *Chứng từ sử dụng*

- Bảng tính lãi vay
- Giấy báo nợ
- Phiếu chi
- Hợp đồng vay vốn

✓ *Tài khoản sử dụng*

- TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính.

✓ *Trình tự kế toán*

Hàng tháng kế toán sẽ nhận được các chứng từ kế toán như: Giấy báo nợ, bảng tính lãi vay... kế toán sẽ ghi nhận các khoản chi phí liên quan đến hoạt động tài chính vào sổ chi tiết 635, sổ nhật ký chung và sổ cái TK635.

Trong kỳ khảo sát tại công ty không phát sinh khoản chi phí này.

*e. Kế toán chi phí khác*

Để hạch toán khoản chi phí khác tại công ty kế toán căn cứ trên chứng từ: BB thanh lý, nhượng bán TSCĐ, phiếu chi, giấy báo nợ, hóa đơn GTGT...

Để hệ thống hóa nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí khác kế toán sử dụng TK 811 “Chi phí khác”

Tại công ty khoản chi phí này rất ít, hầu như không có.

**3.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa**

Khảo sát thực tế tại công ty cho thấy kết quả kinh doanh của công ty bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác. Trong đó kết quả hoạt động kinh doanh là chủ yếu của công ty. Kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh của công ty.

▼ *Tài khoản sử dụng*

- TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

▼ *Trình tự kế toán*

Cuối kỳ sau khi đã kiểm tra số liệu khớp với số liệu đã ghi chép, căn cứ trên sổ chi tiết và sổ cái các tài khoản 511, tài khoản 632, tài khoản 642, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Qua khảo sát thực tế quý II/2015 tại công ty Các bút toán kết chuyển xác định kết quả kinh doanh được theo dõi chi tiết trên sổ chi tiết tài khoản 911 (**phụ lục 23**) và sổ cái tài khoản 911 (**phụ lục 24**)

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Qua khảo sát thực tế công tác kế toán mà trọng tâm là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa, trong chương 3 luận văn, tác giả đã nghiên cứu và đề cập một số nội dung cơ bản sau:

- Phân tích đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc điểm tổ chức quản lý và đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa.
- Khái quát, phân tích làm rõ thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa trên góc độ kế toán tài chính.
- Kết quả chương này là cơ sở quan trọng để đưa ra các nhận định, đánh giá việc vận dụng chế độ kế toán tại công ty. Từ đó luận văn đề xuất một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa.

## **CHƯƠNG 4**

### **HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA**

#### **4.1. Đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP CN Điều Khiển và Tự Động Hóa**

Trong những năm vừa qua công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa đã trải qua những giai đoạn thuận lợi, khó khăn, những bước thăng trầm và nhiều biến động. Tuy nhiên công ty vẫn gặt hái được nhiều thành quả to lớn đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh, tiêu thụ hàng hóa. Doanh thu không ngừng tăng nhanh trong các năm, có được thành tích trên công ty không ngừng mở rộng thị trường, khai thác triệt để thị trường tiềm năng đồng thời có biện pháp thỏa đáng với khách hàng quen thuộc nhằm tạo ra sự gắn bó để tạo nguồn cung cấp hàng hóa dồi dào và một thị trường tiêu thụ luôn ổn định. Ngoài ra để đạt được thành tựu to lớn đó phải kể đến sự nỗ lực của những thành viên trong công ty trong đó có sự đóng góp không nhỏ của phòng tài chính kế toán giúp công ty có được kết quả kinh doanh mong muốn.

#### **4.1.1. Ưu Điểm**

##### *4.1.1.1. Về tổ chức bộ máy quản lý*

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm và quy mô hoạt động của công ty, phục vụ tốt cho hoạt động kinh doanh. Các phòng ban được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và phục vụ kịp thời các yêu cầu quản lý, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

##### *4.1.1.2 Về tổ chức kế toán*

- Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán được xây dựng hợp lý về mô hình, đã có sự phân công lao động dựa trên khối lượng công tác kế toán và phân hành kế toán chủ yếu của công ty, việc phân công được thực hiện khoa học, góp phần tăng tính đối chiếu, kiểm tra. Các nhân viên kế toán đều được đào tạo kiến thức và có trình độ nghiệp vụ, có trách nhiệm hoàn thành công việc của mình và thường xuyên tự bồi dưỡng, cập nhật các chuẩn mực, quy định kế toán mới.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với tình hình thực tế của công ty. Bộ máy kế toán được thiết kế nhằm thực hiện chức năng kiểm tra giám sát đầy đủ và chặt chẽ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty nhất là các nghiệp vụ liên quan đến tiêu thụ và xác định kết quả, giúp các nhà quản lý hoạch định, điều chỉnh chính sách kinh doanh phù hợp với thị trường thực tế.

- Về hình thức kế toán

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung nhìn chung là phù hợp với tổ chức kế toán tại công ty. Hình thức này kết hợp chặt chẽ giữa ghi chép theo thời gian và ghi chép hệ thống, giữa hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết nên thuận lợi cho công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu, và lập báo cáo được kịp thời.

- Về chứng từ, sổ sách kế toán

Hệ thống chứng từ kế toán tại công ty được lưu trữ theo đúng chế độ đảm bảo khoa học trong việc truy cập và tìm kiếm thông tin. Hàng tháng, hàng quý các chứng từ gốc được tập hợp theo từng nhóm, từng chủng loại khác nhau. Chứng từ của năm tài chính được lưu trữ trong các ngăn tài liệu, luôn sẵn sàng cho các cuộc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tài chính.

Quy trình luân chuyển chứng từ hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty luôn tuân thủ theo đúng chuẩn mực



kế toán quy định về tính trung thực, đúng đắn, hợp lệ và đầy đủ theo quy định của Bộ Tài chính và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo đúng thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, sử dụng hợp lý và chi tiết.

Phương pháp kế toán mà công ty áp dụng là kê khai thường xuyên. Phương pháp này phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty khi số lượng chứng từ liên quan đến công tác kế toán là khá nhiều, phát sinh hàng ngày.

#### *4.1.1.3. Về thời điểm ghi nhận và điều kiện ghi nhận doanh thu, chi phí*

Thời điểm ghi nhận doanh thu tại công ty ngay sau khi chuyển giao hàng hóa cho người mua. Công ty bán hàng có xuất hóa đơn, ghi nhận doanh thu, chi phí đảm bảo nguyên tắc phù hợp và GAAP.

#### *4.1.1.4 Về công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh*

Nhìn chung công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa được tổ chức một cách hợp lý, phù hợp với công tác quản lý hiện nay của doanh nghiệp. Mặc dù có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhưng việc hạch toán vẫn được hạch toán hợp lý, đầy đủ, kịp thời, chính xác vào chứng từ và sổ sách theo nguyên tắc kế toán nhà nước đã ban hành.

Việc ghi nhận doanh thu của doanh nghiệp áp dụng đúng theo “nguyên tắc ghi nhận doanh thu”, chi phí cũng được theo dõi một cách có hệ thống nên tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định kết quả của doanh nghiệp.

### **4.1.2. Nhược Điểm**

Thực tế công tác kế toán tại công ty cho thấy ngoài những ưu điểm kể trên, công ty còn những tồn tại sau:

#### *4.1.2.1. Về phương pháp tính giá vốn xuất kho*

Công ty tính giá vốn xuất kho hàng hóa tiêu thụ theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ (theo tháng). Phương pháp này có ưu điểm là đơn giản, chỉ cần tính toán một lần vào cuối mỗi tháng tuy nhiên kết quả của phương pháp này có độ chính xác không cao, không đáp ứng yêu cầu thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

#### *4.1.2.2. Về trích lập dự phòng phải thu khó đòi*

Theo điều 5 trong hợp đồng kinh tế ghi rõ bên A (bên mua hàng) sẽ thanh toán khoản nợ trong vòng 30 ngày. Nếu bên A vi phạm thỏa thuận về thời gian thanh toán ghi rõ trong hợp đồng thì ngoài khoản tiền mua hàng bên A sẽ phải trả thêm số tiền phạt bằng 0.5 % giá trị thanh toán còn thiếu cho mỗi ngày chậm thanh toán.

Nhưng thực tế thì có rất nhiều khách hàng vẫn thanh toán chậm các khoản nợ trên còn việc thu phạt thì không được diễn ra vì vậy ảnh hưởng rất lớn đến chu kỳ quay vòng vốn.

Công ty không tiến hành lập bất cứ dự phòng nào liên quan đến các khoản nợ phải thu khó đòi. Một số khách hàng thường mua với số lượng và số tiền lớn mà thanh toán chậm, quá niên độ kế toán, nên những khoản nợ này công ty cần xem xét, tính toán hợp lý vào chi phí quản lý kinh doanh. Để hạn chế rủi ro công ty cần lưu ý về việc lập dự phòng phải thu khó đòi.

#### *4.1.2.3. Về phân bổ chi phí quản lý kinh doanh(chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp)*

Công ty không tiến hành phân bổ chi phí kinh doanh cho từng loại hàng hóa dẫn đến việc xác định kết quả kinh doanh chưa phù hợp nên khó cho việc xác định lợi ích đem lại của từng hàng hóa như thế nào để xây dựng kế hoạch kinh doanh hợp lý và hiệu quả nhất để kích thích tiêu thụ từng sản phẩm theo từng giai đoạn phù hợp.

#### *4.1.2.4. Về hệ thống tài khoản và sổ sách kế toán áp dụng*

Về hệ thống sổ sách tương đối đầy đủ theo quy định tuy nhiên để hoàn thiện và phù hợp với đặc điểm kinh doanh công ty cần sử dụng thêm mẫu sổ sách có thể phản ánh thông tin đầy đủ cho người tiếp nhận và quản lý dễ dàng hơn. Ngoài ra công ty nên chi tiết tài khoản theo mặt hàng để nhận rõ thể mạnh từng mặt hàng, và có chiến lược kinh doanh trong tương lai.

#### *4.1.2.5. Về tình hình sử dụng máy tính và phần mềm kế toán*

Công ty vẫn đang áp dụng các công cụ văn phòng hỗ trợ như Word, Excel mang tính thủ công. Những công cụ này có lợi thế là dễ dàng kiểm tra sổ sách nhưng bất cập là tốn rất nhiều thời gian trong việc xử lý các thông tin nghiệp vụ, cập nhật thông tin nhiều khi chưa kịp thời.

### **4.2. Nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa**

Để đảm bảo sự hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thì cần thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải phù hợp với cơ cấu, tổ chức, quy mô sản xuất của doanh nghiệp, tuân thủ trên cơ sở tôn trọng các chế định tài chính, chế độ kế toán Việt Nam và các chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Hoàn thiện phải đảm bảo được tính khách quan, đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác khi có yêu cầu và đảm bảo theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.
- Hoàn thiện nhằm đưa đến lợi ích, giá trị cho doanh nghiệp lâu dài, đưa ra những phương hướng, giải pháp hiệu quả và phải trên cơ sở tiết kiệm chi phí.

### **4.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa**

#### ***4.3.1. Giải pháp hoàn thiện phương pháp tính giá xuất kho***

Đi đôi với việc thực hiện đổi mới công tác hạch toán trên máy vi tính dùng công cụ hỗ trợ và trong tương lai có thể công ty sẽ sử dụng phần mềm thuận tiện cho việc tính toán, độ chính xác cao hơn và chi phí không lớn, công ty nên áp dụng phương pháp tính giá vốn xuất kho theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Do đặc điểm công ty kinh doanh tập trung rất ít mặt hàng chủ yếu là kinh doanh mặt hàng điện thoại Euroset 802 và việc nhập hàng được công ty quy định khi lượng hàng tồn kho còn lại bằng  $10\% \times$  lượng hàng nhập lô trước đó nên khi áp dụng phương pháp này trị giá vốn hàng hóa còn trong kho sát với giá thị trường, chỉ tiêu hàng tồn kho trên bảng cân đối kế toán có ý nghĩa kinh tế hơn.

Phương pháp này dựa trên giả định là hàng được nhập mua trước thì được xuất trước và giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập trước và thực hiện tuần tự cho đến khi hàng được xuất đi hết. Cũng theo phương pháp này, giá vốn sẽ được tính toán ngay sau từng lần xuất hàng, đảm bảo việc ghi chép và cung cấp số liệu cho công tác quản lý và có những đánh giá xác thực hơn trong kinh doanh. Chính vì vậy, việc áp dụng phương pháp này sẽ khắc phục được nhược điểm của phương pháp bình quân gia quyền ở mức độ chính xác cao hơn.

#### ***4.3.2. Giải pháp hoàn thiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được căn cứ trên Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp của doanh nghiệp.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Công ty tính toán khoản nợ có khả năng khó đòi, tính toán lập dự phòng để đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ.

Công ty phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng theo từng khoản nợ phải thu khó đòi. Khoản nợ phải thu phải có chứng từ gốc và có đối chiếu xác nhận nợ bao gồm hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ,...

Mức trích lập dự phòng được quy định như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Ø TK sử dụng: TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản, chi tiết TK 2293 – Dự phòng nợ phải thu khó đòi, tài khoản này theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, từng khoản phải thu khó đòi mà doanh nghiệp đã lập dự phòng.

Ø Phương pháp hạch toán

(1) Vào cuối niên độ kế toán, khi trích lập khoản dự phòng kế toán ghi:

Nợ TK 642

Có TK 229(2293)

(2) Cuối niên độ kế toán tiếp theo, nếu số cần trích lập nhỏ hơn số đã trích lập năm trước thì tiến hành hoàn nhập dự phòng:

Nợ TK 229(2293): Số chênh lệch

Có TK 642: Số chênh lệch

(3) Cuối niên độ kế toán tiếp theo, nếu số cần trích lập lớn hơn số đã trích lập năm trước thì tiến hành trích bổ sung:

Nợ TK 642: Số chênh lệch

Có TK 229(2293): Số chênh lệch

#### ***4.3.3. Giải pháp hoàn thiện việc phân bổ chi phí quản lý kinh doanh cho từng loại hàng hóa.***

Công ty có rất nhiều chủng loại hàng hóa và mỗi loại hàng hóa đưa ra ngoài thị trường đem lại một mức lợi nhuận khác nhau nên việc tối đa hóa lợi nhuận là rất cần thiết. Một trong các biện pháp tối đa hóa lợi nhuận là tăng doanh thu, giảm chi phí cho từng loại hàng hóa. Do đó, công ty cần xác định được kết quả tiêu thụ của từng loại hàng hóa từ đó xây dựng kế hoạch tiêu thụ hàng hóa đạt hiệu quả cao và mang lại lợi ích cho công ty. Để thực hiện được biện pháp trên, công ty nên sử dụng tiêu thức phân bổ chi phí quản lý kinh doanh cho từng hàng hóa và cách thức phân bổ theo doanh thu bán hàng của từng hàng hóa so với tổng doanh thu bán hàng trong tháng.

Tiêu thức phân bổ chi phí quản lý kinh doanh như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí QLKD} \\ \text{(CPBH/CPQLDN)} \\ \text{phân bổ cho hàng} \\ \text{hóa i} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí QLKD} \\ \text{(CPBH/CPQLDN)} \\ \text{Tổng doanh thu} \\ \text{hàng hóa trong kỳ} \end{array}}{\text{X}} \quad \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{hàng hóa i} \end{array}$$

Trong đó:

- Chi phí QLKD(CPBH/CPQLDN) là chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong một tháng, được lấy từ Sổ cái TK 642 cuối mỗi tháng.
- Tổng doanh thu hàng hóa trong kỳ là doanh thu phát sinh trong một tháng lấy từ sổ cái TK 511 hoặc bảng tổng hợp chi tiết bán hàng.

- Doanh thu hàng hóa i là doanh thu bán hàng phát sinh trong một tháng của từng loại hàng hóa được lấy từ các sổ chi tiết bán hàng.

#### **4.3.4 Giải pháp hoàn thiện hệ thống tài khoản và sổ sách.**

- Về hệ thống tài khoản: Các tài khoản 156, TK 632, TK 511 nên chi tiết theo từng mặt hàng một cách có hệ thống.

Công ty có thể chi tiết các tài khoản theo mẫu sau:

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	TK hàng hóa (156)	TK giá vốn (632)	TK doanh thu (511)
HH01	Điện thoại Euroset 802	15611	63211	51111
HH02	Model ADSL	15612	63212	51112
.....				

Vì kinh doanh nhiều mặt hàng nên ngoài sổ chi tiết đã có cuối kỳ công ty nên lập bảng tổng hợp chi tiết doanh thu và báo cáo bán hàng để thấy rõ những mặt hàng có doanh thu lớn, có tiềm năng phát triển trong tương lai, thông qua đó các nhà quản lý sẽ có những chiến lược ổn định về giá, chiến lược kinh doanh sao cho đạt hiệu quả cao nhất.

Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu, báo cáo bán hàng có thể lập theo mẫu sau:

**Bảng 4.1: Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu****BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT DOANH THU**

<b>Mặt hàng</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Giảm trừ</b>	<b>Doanh thu thuần</b>
<b>(a)</b>	<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)</b>
.....			
<b>Tổng</b>			

**Bảng 4.2: Báo cáo bán hàng****BÁO CÁO BÁN HÀNG**

<b>Mặt hàng</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Giảm trừ</b>	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>Giá vốn</b>	<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>CPQL phân bổ</b>	<b>Lợi nhuận</b>
<b>(a)</b>	<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)</b>	<b>(4)</b>	<b>(5)</b>	<b>(6)</b>	<b>(7)</b>
.....							
<b>Tổng</b>							

Trong đó:

(a): danh mục hàng bán

(1) Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu

(2) Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu

(3) = (1) - (2)

(4) Bảng tổng hợp chi tiết giá vốn



$$(5) = (3) - (4)$$

(6) Bảng tổng hợp và phân bổ CPQLKD

$$(7) = (5) - (6)$$

#### **4.3.5. Giải pháp hoàn thiện việc vận dụng phần mềm kế toán**

Công ty nên lựa chọn cho mình phần mềm kế toán phù hợp để thông tin kinh tế được cập nhật nhanh chóng, chính xác, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý và nhu cầu sử dụng thông tin của người sử dụng. Công ty có thể tham khảo một số phần mềm như: phần mềm MISA SME.NET 2015, với những ưu điểm nổi trội sau:

Với hơn 21 năm kinh nghiệm trong việc sản xuất, cung cấp các phần mềm, Misa đã đạt nhiều thành tích, giải thưởng minh chứng cho chất lượng sản phẩm Misa. Hiện trên cả nước có hơn 130.000 khách hàng đang sử dụng hiệu quả các sản phẩm của Misa.

Misa đã đạt được chứng chỉ CMMi, ISO 9001 về quản lý chất lượng và ISO 27000 về hệ thống quản lý an ninh thông tin, bảo chứng cho việc sản phẩm và dịch vụ do Misa cung cấp có chất lượng tốt và an toàn bảo mật cao.

Không chỉ hướng đến việc giải quyết các nghiệp vụ, khi thiết kế xây dựng phần mềm, Misa luôn chú trọng đến việc làm ra sản phẩm đẹp, giao diện đơn giản, thuận tiện cho người sử dụng. MISA SME.NET 2015 có giao diện 100% Tiếng Việt, các nghiệp vụ được sắp xếp tuần tự theo luồng quy trình công việc thực tế tại các doanh nghiệp, rất trực quan và dễ hiểu cho người sử dụng.

MISA SME.NET có nhiều gói sản phẩm khác nhau để phù hợp với quy mô và nhu cầu của từng doanh nghiệp. Chỉ cần mua một giấy phép, doanh nghiệp có thể cài được trên nhiều máy với chi phí hợp lý.

Phần mềm bảo hành trong thời gian 12 tháng. Doanh nghiệp luôn được cập nhật tính năng mới của phần mềm qua Internet mà không cần phải đợi MiSa gửi đĩa CD.

#### **4.4. Đóng góp và hạn chế của đề tài**

##### *Đóng góp của đề tài:*

Luận văn góp phần làm sáng tỏ lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại, mặt khác luận văn đi sâu nghiên cứu, phân tích đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.

##### *Hạn chế của đề tài:*

- Do đặc thù của đơn vị là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hiện tại chưa có ứng dụng kế toán quản trị nên đề tài chỉ tập trung vào kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty dưới góc độ kế toán tài chính.
- Chưa nghiên cứu được phần hành thuế do chưa đến kỳ hạch toán.
- Do hạn chế trong việc thu thập dữ liệu, kinh nghiệm khảo sát nên đề tài không tránh khỏi những phân tích sai sót.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Sau khi nghiên cứu thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa, tác giả nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty còn một số tồn tại cần giải quyết.

Căn cứ vào chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành, các thông tư hướng dẫn, tác giả đưa ra một số giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa dưới góc độ kế toán tài chính. Từ đó rút ra đóng góp và hạn chế của đề tài nghiên cứu để gợi ý hướng nghiên cứu cho đề tài trong tương lai.

## KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh tế ngày càng phát triển theo hướng hòa nhập các nền kinh tế thế giới thì các quyết định của nhà quản trị phụ thuộc rất nhiều vào thông tin kế toán. Đặc biệt với điều kiện nền kinh tế Việt Nam đang bước đầu trong quá trình hội nhập, kinh tế đang trong giai đoạn phát triển vấn đề quản lý chi phí xã hội cũng như chi phí doanh nghiệp, gia tăng doanh thu là một vấn đề rất quan trọng. Thông qua công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh người quản lý đưa ra được những biện pháp nhằm tối thiểu hóa chi phí để đạt được doanh thu mong muốn.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Công Nghệ Điều Khiển và Tự Động Hóa em đã tổng kết được nhiều ưu điểm trong công tác hạch toán kế toán tại đơn vị cũng như những tồn tại cần được hoàn thiện. Trong đề tài trên em cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng và công tác kế toán nói chung. Tuy nhiên do giới hạn về phạm vi và thời gian nghiên cứu nên em chưa thể đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thiện toàn bộ quy trình hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Ý kiến đóng góp là ý kiến chủ quan đối với thực trạng hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chưa đứng trên mối quan hệ với các quy trình hoạt động khác của đơn vị.

Em xin chân thành cảm ơn PGS.TS Nguyễn Thị Thu Liên cùng các thầy cô trong hội đồng bảo vệ đã giúp em hoàn thành đề tài nghiên cứu này.

Em xin chân thành cảm ơn !

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2006), Chế độ kế toán doanh nghiệp, NXB Tài chính, Hà Nội
2. Bộ tài chính (2006), Chế độ doanh nghiệp vừa và nhỏ, NXB Tài chính, Hà Nội
3. Bộ tài chính (2006), Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, NXB Tài chính, Hà Nội
4. Bộ tài chính (2014), Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014
5. Nguyễn Phú Giang – Nguyễn Trúc Lê (2013), Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính, NXB đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội
6. Đặng thị Loan (2013), Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, NXB đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội
7. Công ty CP Công Nghệ điều khiển và Tự Động Hóa (2014), tài liệu về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty: Báo cáo tài chính, Sổ cái các tài khoản...
8. Các bài viết, các tài liệu trên Internet, các trang web:
  - § <http://www.niceaccounting.com/>
  - § <http://www.google.com/>
  - § <http://www.udn.vn/>

## **DANH MỤC PHỤ LỤC**

Phụ lục 00	Câu hỏi phỏng vấn
Phụ lục 01	Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Phụ lục 02	Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính
Phụ lục 03	Sơ đồ kế toán thu nhập khác
Phụ lục 04	Sơ đồ kế toán giá vốn
Phụ lục 05	Sơ đồ kế toán chi phí tài chính
Phụ lục 06	Sơ đồ kế toán chi phí bán hàng
Phụ lục 07	Sơ đồ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp
Phụ lục 08	Sơ đồ kế toán chi phí khác
Phụ lục 09	Sơ đồ kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành
Phụ lục 10	Sơ đồ kế toán xác định kết quả kinh doanh
Phụ lục 11	Đơn đặt hàng
Phụ lục 12	Phiếu xuất kho
Phụ lục 13	Hóa đơn GTGT
Phụ lục 14	Phiếu thu
Phụ lục 15	Phiếu Chi
Phụ lục 16	Bảng tổng hợp lương cán bộ
Phụ lục 17	Sổ chi tiết bán hàng - Điện thoại Euroset 802
Phụ lục 18	Sổ cái TK 511
Phụ lục 19	Sổ chi tiết TK 632
Phụ lục 20	Sổ cái TK 632
Phụ lục 21	Sổ chi tiết TK 642
Phụ lục 22	Sổ cái TK 642
Phụ lục 23	Sổ chi tiết TK 911
Phụ lục 24	Sổ cái TK 911
Phụ lục 25	Bảng báo cáo kết quả kinh doanh Quý II/2015
Phụ lục 26	Nhật ký chung

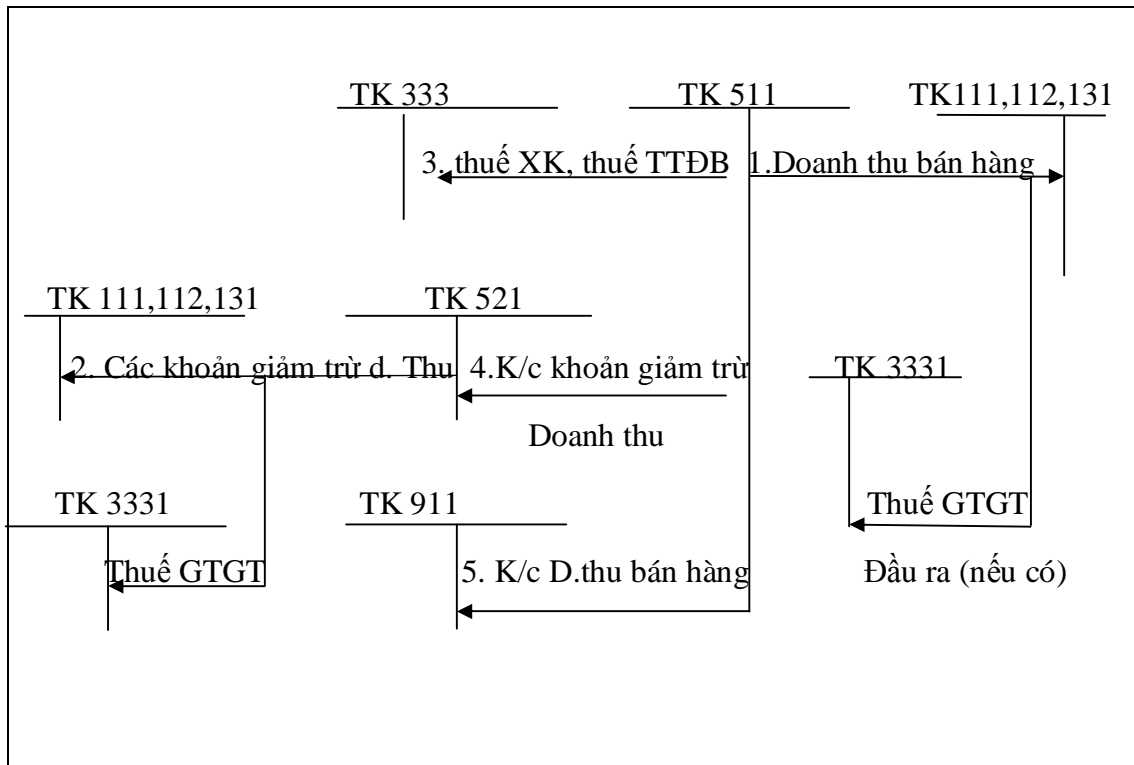
## **CÂU HỎI PHÒNG VẤN**

- Đối tượng phỏng vấn: Kế toán trưởng, kế toán tổng hợp, kế toán mua hàng, kế toán bán hàng.
- Nội dung phỏng vấn: Đề nghị anh (chị) hãy cho biết:
  1. Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của công ty ?
  2. Chính sách ưu đãi khách hàng của công ty (nếu có) ?
  3. Chính sách kế toán hiện công ty đang áp dụng ?
  4. Nội dung doanh thu và thu nhập hiện tại của công ty ?
  5. Chứng từ sử dụng để ghi nhận doanh thu và thu nhập ?
  6. Tài khoản sử dụng để ghi nhận doanh thu và thu nhập ?
  7. Quy trình để ghi nhận doanh thu và thu nhập trên sổ sách ?
  8. Nội dung các khoản chi phí tại công ty ?
  9. Chứng từ sử dụng để ghi nhận chi phí ?
  10. Tài khoản sử dụng để ghi nhận chi phí ?
  11. Quy trình để ghi nhận chi phí trên sổ sách ?
  12. Kỳ và cách thức xác định kết quả kinh doanh tại công ty ?
  13. Ưu điểm và những tồn tại trong phần hành công việc mà anh (chị) được phân công ?
  14. Khả năng ứng dụng phần mềm kế toán tại công ty ?
  15. Khả năng ứng dụng kế toán quản trị tại công ty ?

## PHỤ LỤC 01

### SƠ ĐỒ KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

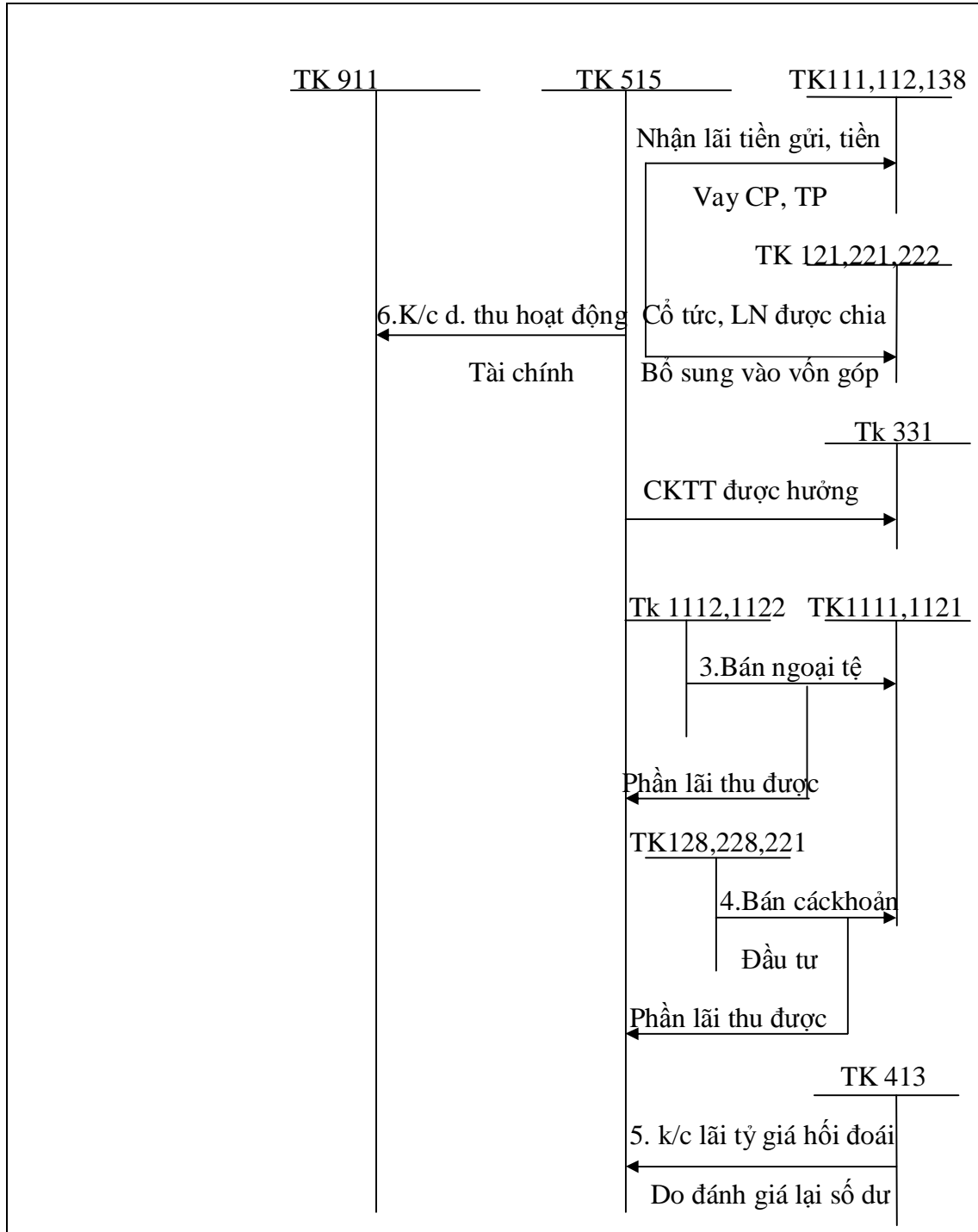
(Theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của BTC)





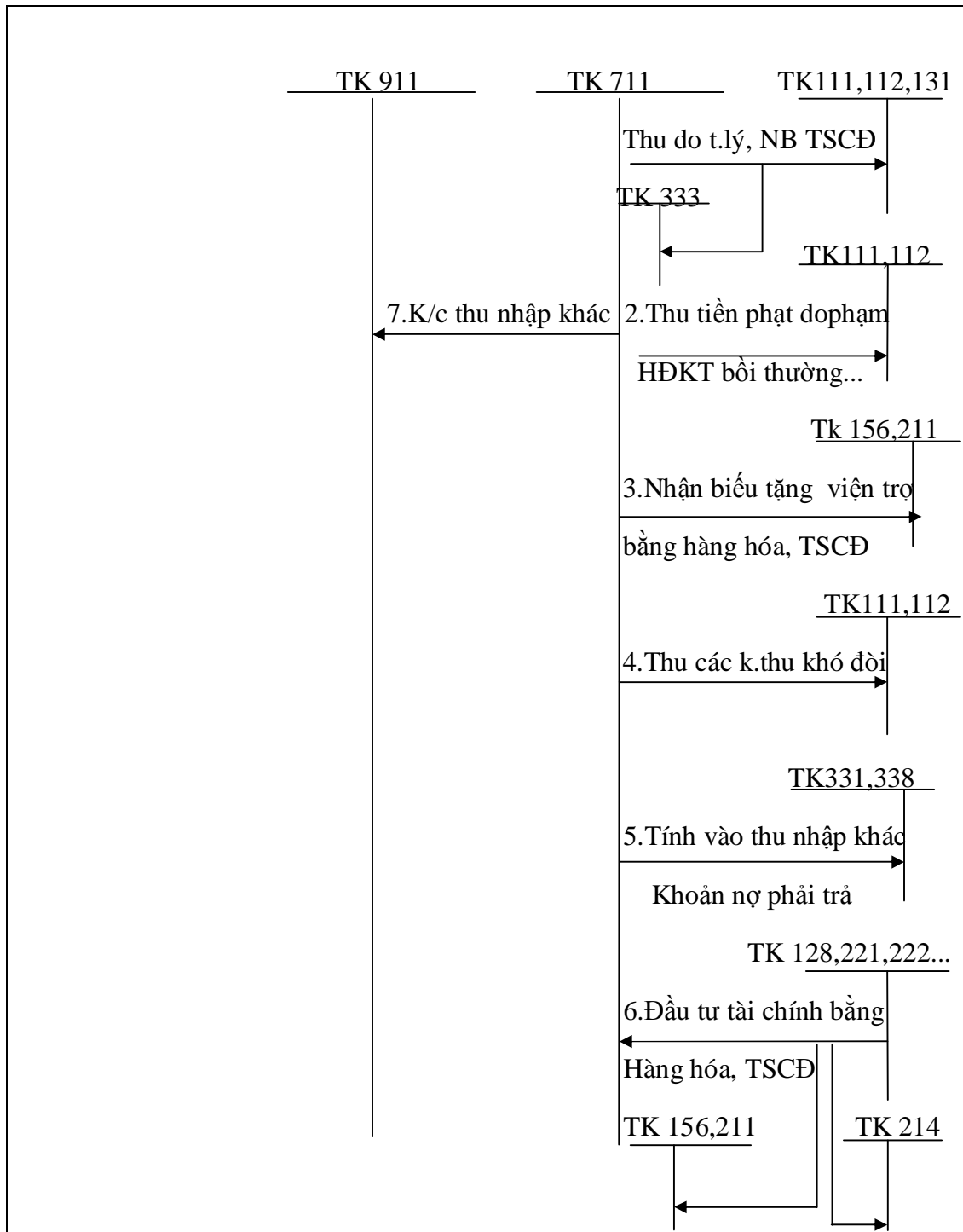
## PHỤ LỤC 02

### SƠ ĐỒ KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

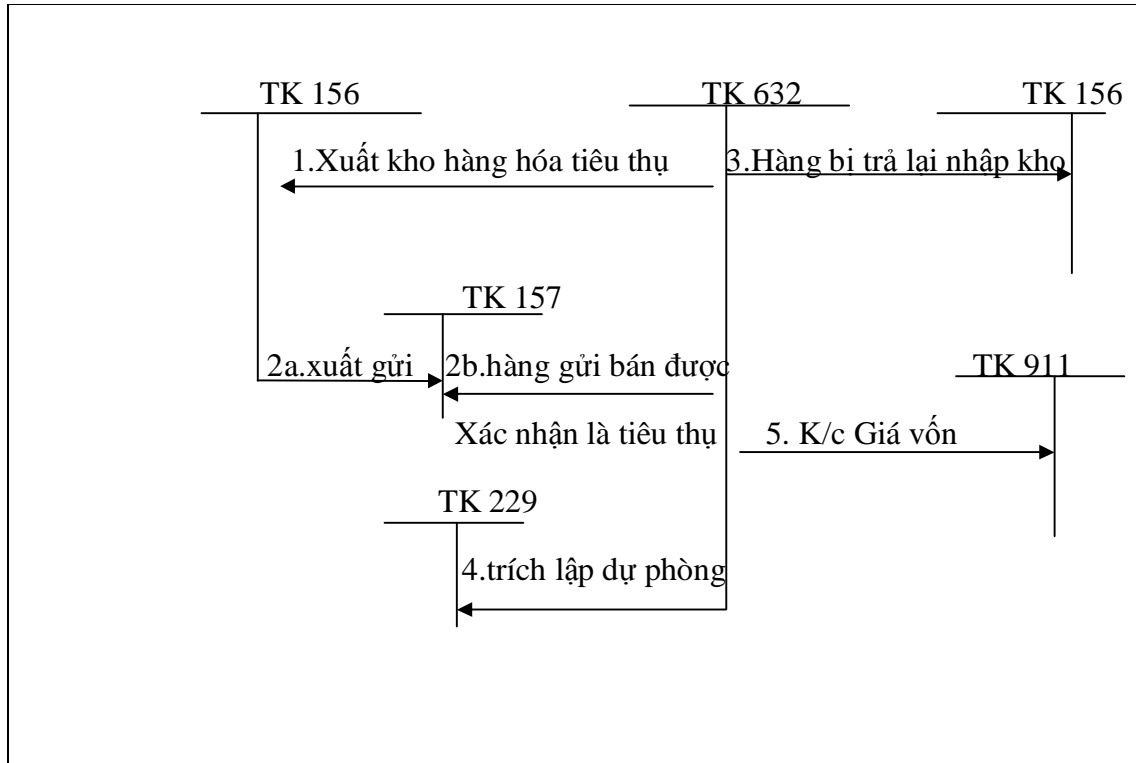


### PHỤ LỤC 03

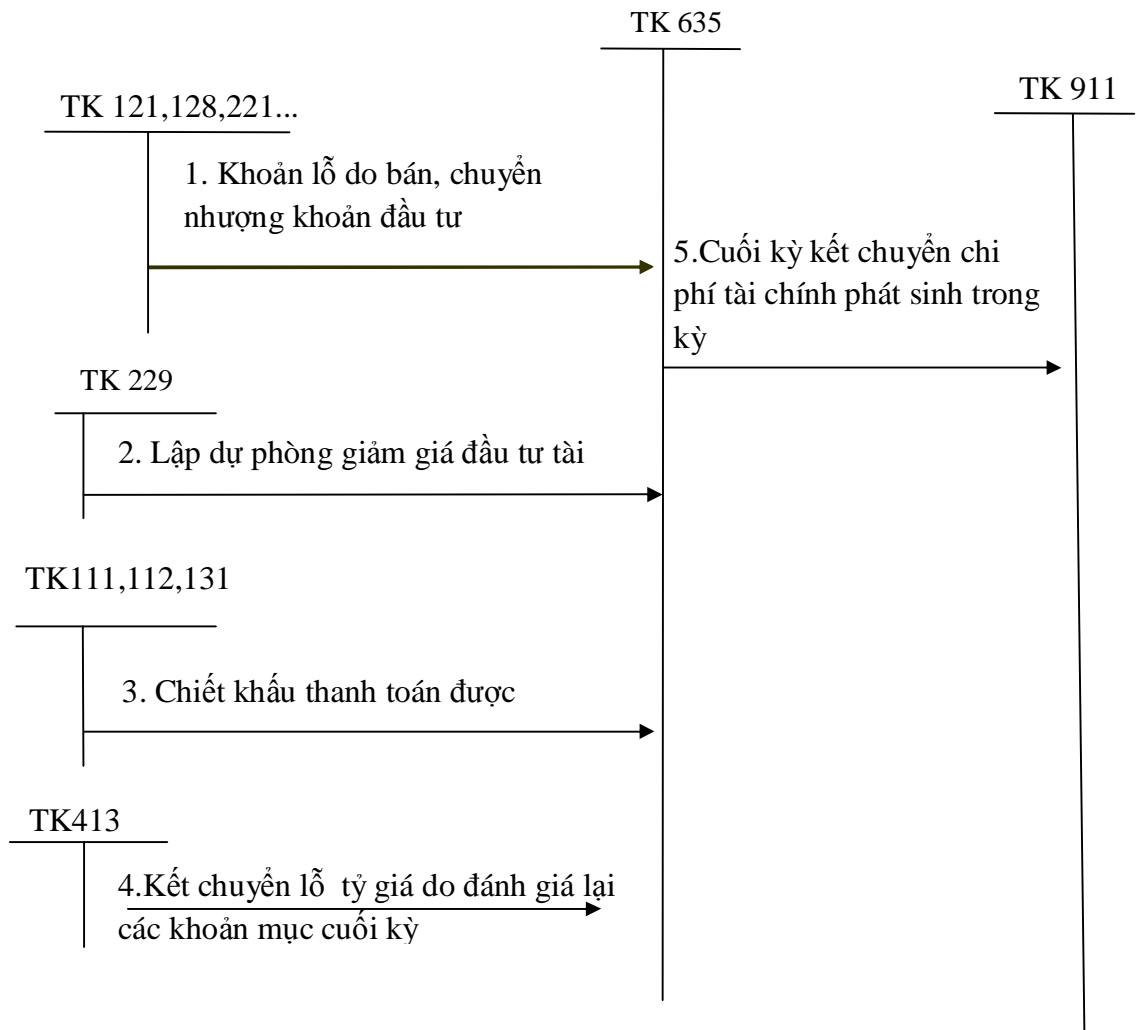
### SƠ ĐỒ KẾ TOÁN THU NHẬP KHÁC



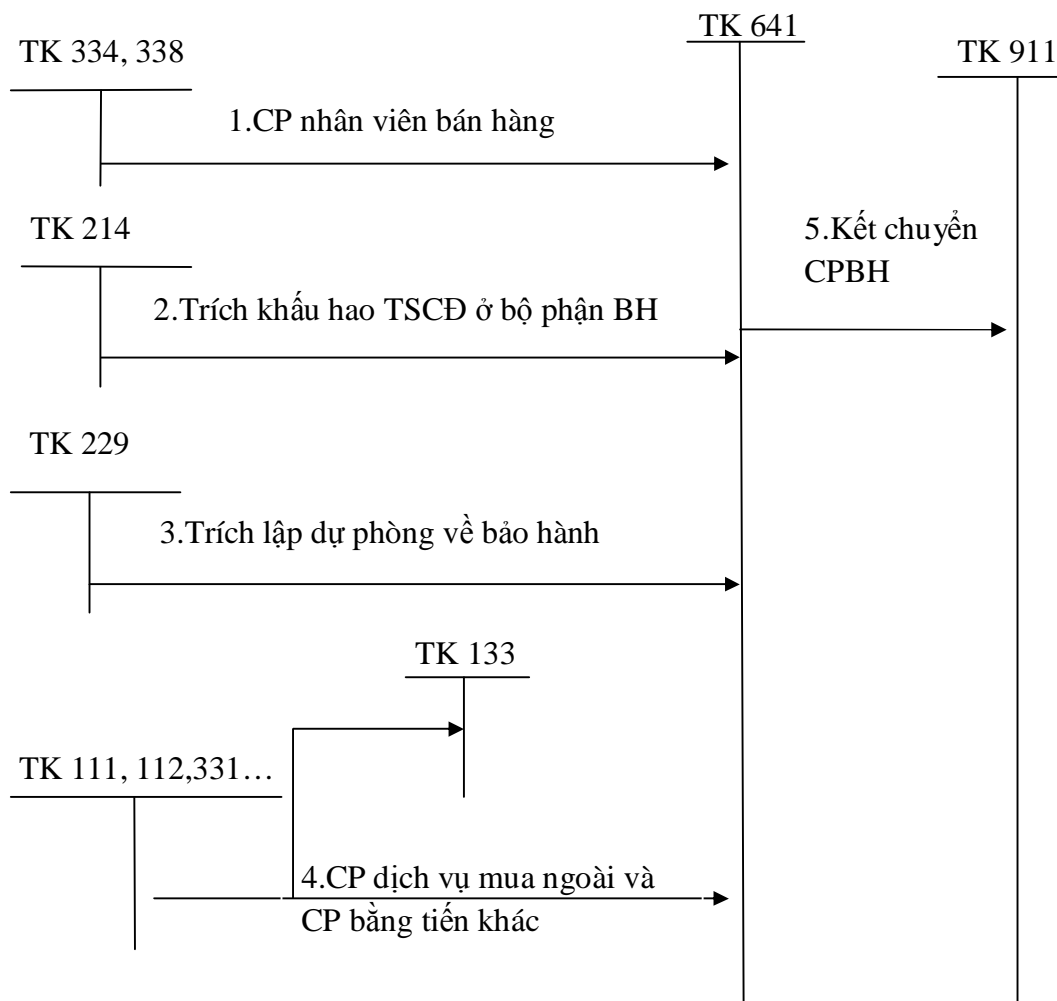
**PHỤ LỤC 04**  
**SƠ ĐỒ KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN**  
**THEO PP KÊ KHAI THƯỜNG XUYÊN**



**PHỤ LỤC 05**  
**SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

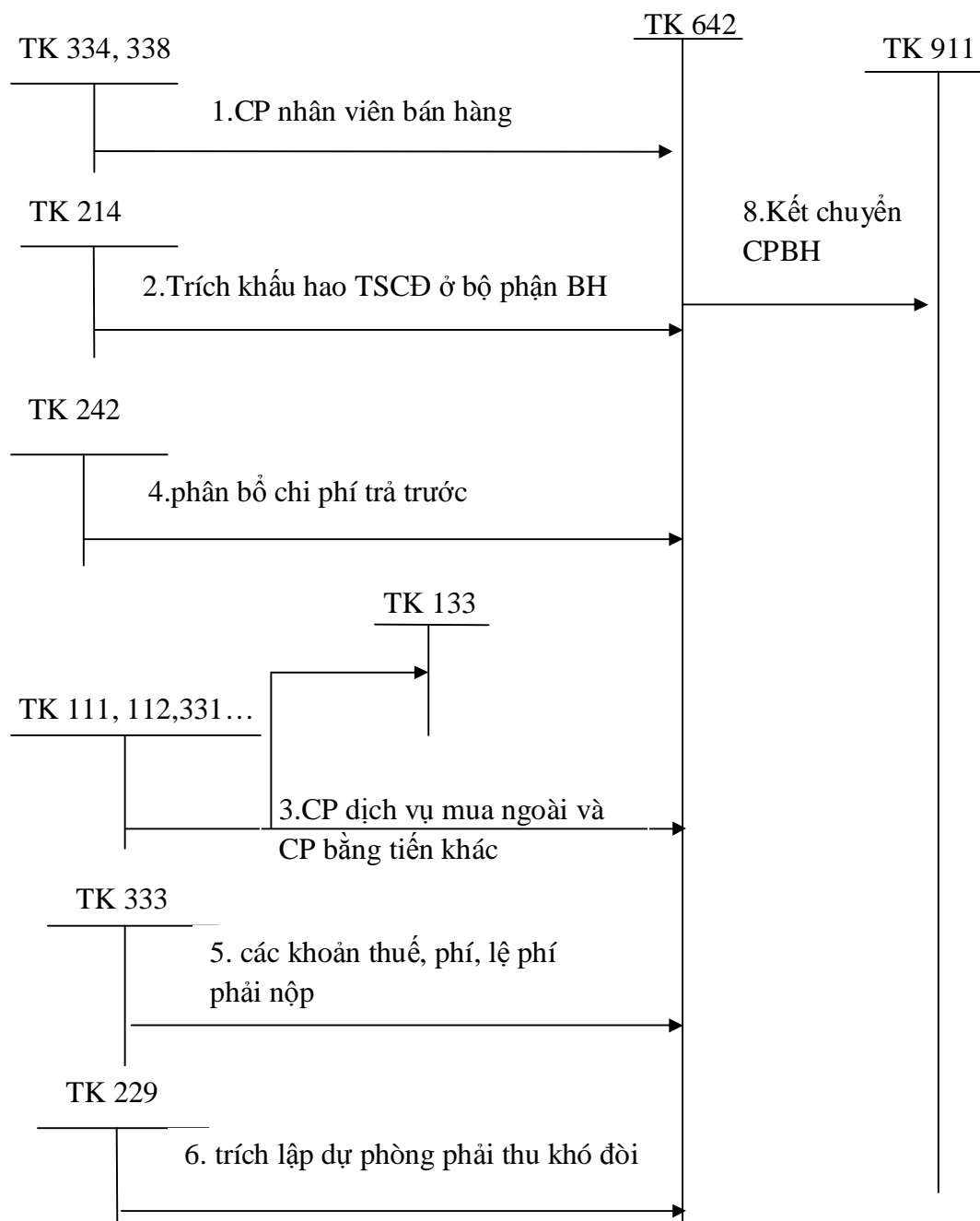


**PHỤ LỤC 06**  
**SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ BÁN HÀNG**

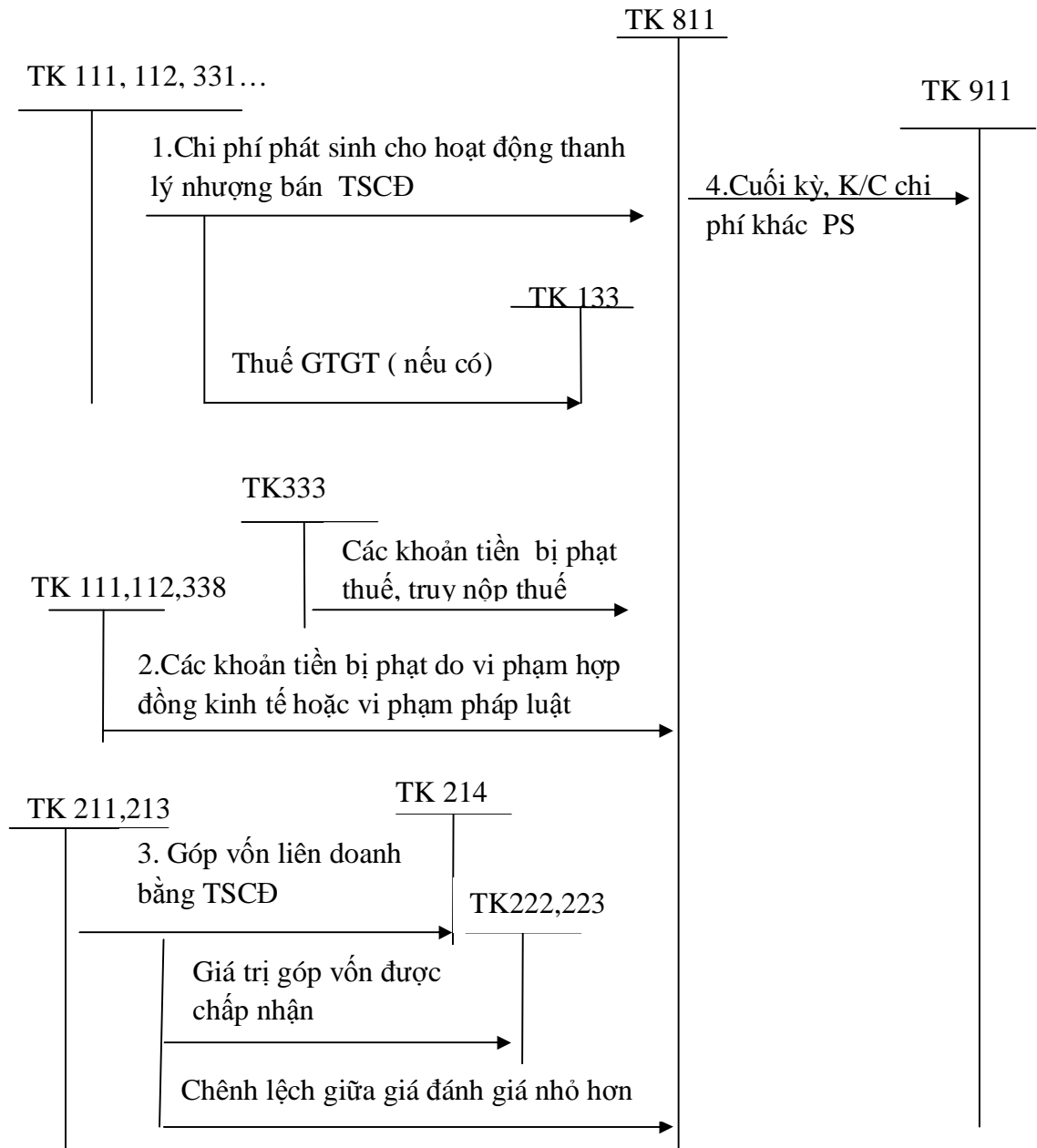


## PHỤ LỤC 07

### SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

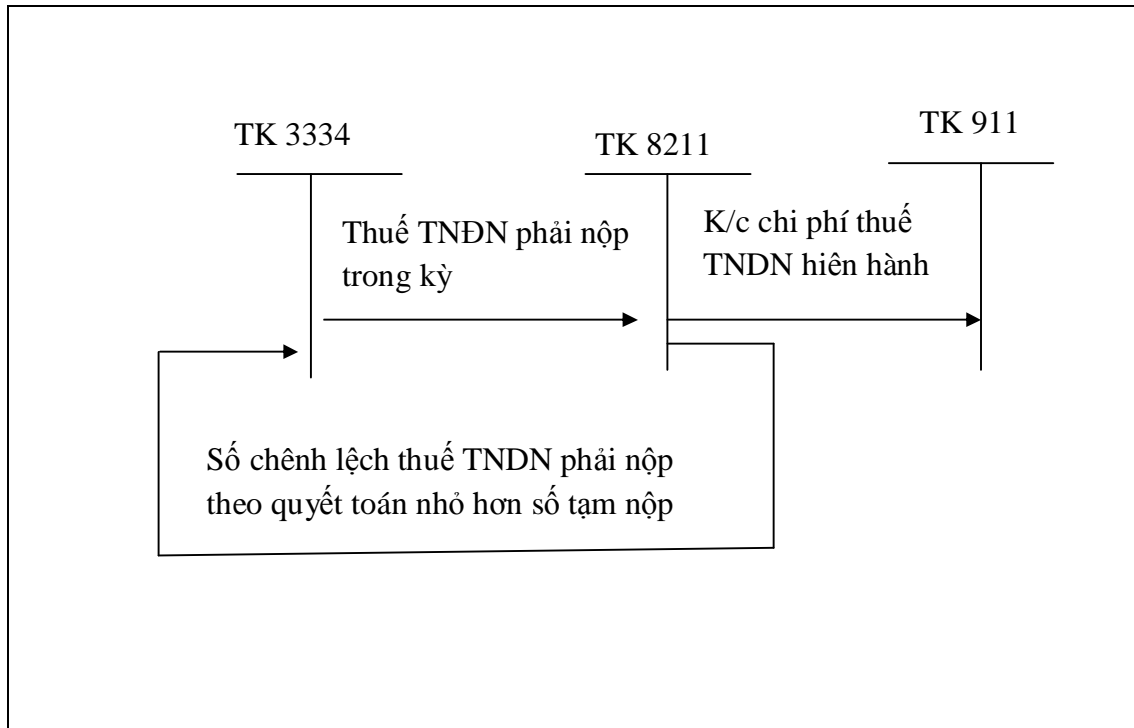


**PHỤ LỤC 08**  
**SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ KHÁC**



## PHỤ LỤC 09

### SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH





## PHỤ LỤC 10

### SƠ ĐỒ KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

